

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 19

1. Tống Thần Tông:

Thần Tông tên là Húc, mẹ ông là Tuyên Nhân Thánh Liệt Hoàng hậu. Bà họ Cao, là cháu ngoại của Tào Thái hậu. Thuở nhỏ bà được nuôi chung với Anh Tông trong nhà Thái hậu, sau lấy Anh Tông và sinh ra ông. Khi Đinh Vương làm Thái tử thì ông liền lên ngôi, thọ ba mươi tám tuổi, mất ở điện Phước Ninh an táng ở lăng Vĩnh Dụ. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Hy Ninh (năm này có động đất lớn). Năm này chính là niên hiệu Hàm Ung thứ tư của nước Liêu (vua Kim là A Cốt Đả ra đời).

Tiền Công ở Tri Giám viện tâu:

- Gặp năm đói nên xuất quốc khố cứu tế, việc cứu tế giao cho Từ bộ đảm trách. Vua đồng ý.

2. Thiên sư Viên Thông Cư Nột:

Tân Hợi: Ngày mười sáu tháng ba năm này, Thiên sư Viên Thông Cư Nột thị tịch. Sư họ Kiểng, tự là Trung Mẫn, quê ở Trung Giang, Tử châu. Thuở nhỏ sư thông minh dị thường, thi thư đọc qua là thuộc lòng. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia với Đại sư Nguyên Phưởng ở chùa Trúc Lâm thuộc huyện Thập Phương, Hán châu. Năm mười bảy tuổi, Sư thi kinh Pháp Hoa và được chính thức làm Tỳ-kheo. Sư thọ Cụ túc với Luật sư Dĩnh Chân. Đạo tràng giảng dạy của sư nổi tiếng vùng Lương Xuyên, những vị cao niên đều đến đây tham học. Trong pháp hội của sư có một thiên giả từ phương Nam tới nói rằng Tổ đạo bao trùm thiên hạ, Mã Đại sư là người ở Thập Phương ứng với lời sấm ký của tổ Bát-nhã-đa-la. Những bậc giảng Kinh giảng Luận nổi tiếng ở đất Thục như Lương Công mà còn bỏ chúng vào Tây Sơn ẩn tu, như Giám Công mà còn đốt hết sớ sao cho rằng một giọt nước có thấm gì so với bể cả.

Sư nghe thất kinh, giây lâu hỏi Thiên giả:

- Ông biết đạo của Tổ chăng?

Thiên giả đáp:

- Tôi không biết. Nếu ông muốn biết, sao không đi một chuyến thử xem!

Thế rồi, Sư rời khỏi đất Thục, sau đó vân du đến Lô sơn và đắc pháp với Thiên sư Vinh. Đại sư Thủ Trình ở Nam Xương thỉnh sư trụ trì Quy Tông, sau Sư dời về Viên Thông. Nhân Tông Hoàng đế nghe danh sư nên vào đầu niên hiệu Hoàng Hựu, vua hạ chiếu thỉnh sư trụ trì Tịnh Nhân viện trong kinh sư, nhưng sư lấy cớ mắt bị bệnh nên không đi. Vua hạ chiếu cho sư thỉnh người khác thay thế. Sư liền thỉnh Đại sư Hoài Liên. Hoài Liên là người tinh thông thiên học, là cánh tay phải của Sư. Hoài Liên nhận chiếu, kể đó đối đáp với vua về đại ý Phật pháp. Hoài Liên ứng đối rất hợp ý vua. Thiên hạ đều khen sư là người biết chọn người. Về già, Sư ẩn cư ở Bảo Tích nam. Sau đó không bệnh mà mất, thọ sáu mươi hai tuổi, tăng lạp bốn mươi lăm hạ.

3. Thiên sư Minh Giáo Khế Tung:

Sư họ Lý, tự là Trọng Linh, người Đàm Tân, Đằng châu. Sư xuất gia năm bảy tuổi. Sau khi thọ Đại giới, có lần sư đội tượng Quan Âm và niệm danh hiệu ngài mỗi ngày đến mười vạn tiếng. Kinh, truyện, sử sách không thứ gì mà sư không tinh thông. Sư đắc pháp với Thiên sư Động Sơn Hiểu Thông.

Trong năm Minh Đạo, Tùng Dự Chương Tây Sơn Âu Dương Phưởng mượn sách của sư đem về đọc ở Phụng Thánh viện. Phưởng cho rằng Ngũ giới, Thập thiện của đạo Phật giống như Ngũ thường của đạo Nho và ông trước tác Thiên Nguyên Giáo. Thời bấy giờ, Âu Dương Văn Trung Công rất thích Hàn Xương Lê bài xích Phật giáo. Hu Giang Lý Thái Bá cũng là hạng ấy. Sư liền đem kiến giải của mình nghị luận ba lần với Thái Bá. Sư cho rằng Nho và Phật giáo có điểm tương đồng nhưng chống lại chủ thuyết của họ. Lý Thái Bá thích văn chương của Sư, đạo lý vừa cao vừa hay, nhân đó Thái Bá gửi thư cho Âu Dương, trong thư hết lời khen sư.

Về sau, Sư trụ ở Linh Ấn, Hàng châu, soạn Chánh Tông Ký và định lại dòng phái của chư Tổ bằng họa đồ. Sư đem tác phẩm này trình cho vua. Đến phủ Khai Phong, Sư dâng biểu tấu cho Phủ doãn Vương Công Tố Trọng Nghĩa. Trong Nghĩa viết sớ tâu về triều rằng:

- Nay thần có vị Tăng là Khế Tung trụ trì chùa Linh Ấn, Hàng châu đến phủ của thần trình tấu rằng việc truyền pháp Tổ tông trong thiên môn chưa được rõ ràng lắm. Những người sơ học của giáo môn ai nấy đều tin vào truyện ký, xưa nay tranh cãi cũng không ít. Bởi vậy,

tặng Khế Tung tra cứu lại Đại tạng. Năm được ngọn nguồn Tổ tông trong thiền môn nhân đó lược bớt văn từ, chọn phần cốt yếu soạn thành Truyền Pháp Chánh Tông Ký mười hai quyển và một bức họa đồ về dòng pháp chư Tổ. Những chỗ nhầm lẫn trong Chánh Truyền Ký có phụ lục luôn ở đây soạn thành một bộ ba quyển. Nay thần dân bệ hạ một phong thư, hoàn toàn không dám mong ân trạch, chỉ xin cho thần được trình tấu. Thần cũng đã từng để tâm đến Thích giáo, nay xem những gì mà tặng Khế Tung trước thuật đều không phải tự ý bày ra. Hơn nữa tác phẩm cũng rất tinh tường. Nhân lúc rảnh việc quân cơ, mong bệ hạ để mắt tới. Kết quả thế nào xin bệ hạ cho thánh ý. Nếu có việc gì hay xin cho Trung thư xét kỹ lại, biên nhập vào mục lục Đại tạng để làm tư liệu sau này”.

Nhân Tông xem thư xong liền chuẩn tấu, rồi giao cho Trung thư, Thừa tướng Hàn Ngụy Công, Tham chánh Âu Dương Văn Trung Công cùng nhau xem xét, đem khảo chứng với kinh luận, quả nhiên không chút nhầm lẫn. Thời bấy giờ, cả triều đình đều tôn sư là Minh Giáo Đại sư và cho bộ sách Nhập tạng. Quan Trung thư tuyên thánh chỉ rằng:

“Nay chuẩn tấu việc Khai Phong Phủ Vương Tố tâm, tặng Khế Tung trụ trì chùa Linh Ẩn, Hàng châu soạn Truyền Chánh Pháp Tông Ký và phụ lục tất cả ba quyển, nay sắc lệnh cho nhập vào tạng kinh tại Truyền Pháp viện”.

Truyền pháp viện kính báo.

Từ đó danh tiếng của sư vang dội khắp nước. Sau sư nhận lời thỉnh cầu của Sái Công Tương trụ trì Thủ Diên trên núi Phật Nhật. Ở đây được vài năm, Sư quay về tinh xá Vĩnh An ở Linh Ẩn. Hy Ninh năm thứ năm, Sư thị tịch. Lúc trà-tỳ, mắt, lưỡi và đồng tử của Sư không cháy, xương đỉnh đầu có mấy hạt châu ngũ sắc, xá-lợi của Sư màu trắng hồng sáng sạch và lớn như hạt đậu. Đồ chúng an táng Sư bên trái tinh xá Vĩnh An.

4. Thiên sư Thủ Doan ở Bạch Vân:

Sư họ Cát, quê ở Hoàn châu. Thuở nhỏ Sư rất giỏi bút nghiên nhưng không thích ở đời nên sư theo Úc Sơn chủ ở Trà Lăng xuất gia. Năm hai mươi tuổi, Sư đến yết kiến Thiên sư Ngung nhưng Thiên sư đã tịch. Dương Kỳ Phương Hội là người kế thế. Vừa gặp, Phương Hội đã lấy làm lạ. Mỗi lần đàm đạo thường đến tận chiều tối.

Một hôm, Phương Hội bỗng hỏi Sư:

- Thầy ông là ai?

Sư đáp:

- Úc Hòa thượng ở Trà Lãng.

- Ta nghe nói ông ấy qua suối tỉnh ngộ, có làm bài kệ rất hay. Ông có nhớ không?

Sư liền đọc:

*Ta có một viên minh châu
Từ lâu vùi tại trần lao
Hôm nay bụi sạch phát sáng
Soi rõ núi sông muôn màu.*

Phương Hội nghe xong, phá lên cười rồi bỏ đi. Sư ngạc nhiên hết nhìn trái rồi nhìn phải, suốt đêm không sao ngủ được. Sáng sớm hôm sau, Sư liền đến phương trượng hỏi lại việc đó. Hôm ấy nhằm ngày đầu năm, Phương Hội hỏi Sư:

- Ông có thấy mấy người hát rong hôm qua không?

Sư đáp:

- Thấy.

- Ông không bằng mấy gã kia.

Sư thất kinh hỏi:

- Sao thế?

- Mấy gã kia thích người ta cười, ông lại sợ người khác cười.

Ngay đây, Sư hoá nhiên đại ngộ. Sư từ già Phương Hội đến Lô sơn. Thiên sư Viên Thông Cư Nột vừa gặp, biết mình không bằng sư nên cử sư trụ trì chùa Thừa Thiên ở Giang châu. Sau lại nhường pháp hội của mình cho sư ở. Còn mình dời qua Đông đường. Lúc ấy, Sư mới hai mươi tám tuổi. Sư thấy tiền bối nhường tông lâm tốt cho mình nên tự trách mình không thôi. Từ đó sư nghiêm cẩn lãnh chúng lấy việc công làm trọng. Lúc này tông phong của sư lừng lẫy. Không bao lâu, Quận thú đến tỉnh xá của Viên Thông Cư Nột, Cư Nột nói ra tâm trạng chán cảnh u tịch của mình, Thái thú thất kinh đưa mắt nhìn sư, Sư chỉ cười cười, dạ dạ mà thôi. Hôm sau sư thăng tòa nói:

- Xưa Pháp Nhã có bài kệ:

*Khó khó khó là dứt tình khó
Sạch trơn tròn sáng một hạt châu
Phương tiện dứt tình vẫn chưa phải
Trừ luôn phương tiện mới thông dong.*

Đại chúng nói xem: Tình từ đâu sinh, làm sao dứt?

Sư hét một tiếng rồi xuống tòa khăn gói ra đi. Đại chúng thất kinh, níu giữ sư lại nhưng không được. Sư vượt sông, nhập hạ ở tỉnh xá của

Ngũ tổ. Ở Thư châu có ngôi chùa nhỏ tên là Pháp Hoa. Sư nghĩ người trụ trì chẳng khác chim trong lồng, đừng quên bay đi. Thư châu Thái thú nghe danh sư muốn được chiêm ngưỡng nên sai người mang thư đến thỉnh. Sư vui vẻ xách trượng đi liền. Lúc này Thiên giả đến đông không kể xiết, sĩ đại phu đều khâm phục tán thán sư. Sau đó sư về trụ ở Bạch Vân.

Một hôm, Sư thăng tòa nhìn khắp chúng nói:

- Trước lúc tiếng trống chưa đánh, trước khi sơn tăng lên tòa, giống như dấn dấp cổ Phật, nếu ai tìm được trong ấy thì có thể gọi là “Xưa Thích-ca không trước, nay Di-lặc không sau” mới cho phép ba tác lữ nói ra. Vốn đã sai lầm thì phải biện được chỗ sai lầm ấy thì con mắt mới mong hoàn toàn cứu được.

Sư nói tiếp:

- Nay ta tha thiết nói với các ông, lúc các ông mở miệng chưa nói câu nào đã là nói rồi; lúc dõ chân chưa đi bước nào đã là đi rồi. Vì sao cái lỗ mũi không thẳng? Vì hàng ngày thấy cái lỗ mũi bướng bỉnh, vì vậy mà không chịu buông tâm, ngày nay khuyên các ông hãy buông bỏ đi!

Ngừng giây lâu, Sư nói:

- Nhất!

Rồi xuống tòa. Môn phong của sư lừng lẫy như vậy.

Quý Sứ: Vua hạ chiếu trong ngày lễ tiết, cả nước đều độ tăng ni xuất gia.

5. Pháp sư Hoa Đình Tuệ Biện:

Sư họ Phó, tự là Nột Ông, hiệu là Hải Nguyệt người Hoa Đình. Sư xuất gia với Đại sư Phổ Chiếu. Hồi ấy, Sư du học ở Thiên Trúc. Đại sư Minh Trí vừa gặp sư liền biết Sư là bậc kỳ tài, vì vậy Minh Trí đem hết sở học giáo quán của mình truyền trao cho Sư. Minh Trí thấy mình sắp già yếu liền cử sư làm thủ tòa thay mình giảng dạy. tám năm sau, Minh Trí cử sư kế thừa Pháp chủ. Hàn Lâm Thẩm Cấu cai trị Hàng châu nổi tiếng là người có uy, ai gặp cũng phải phát khiếp nhưng sư gặp ông ta vẫn thản nhiên như không. Thẩm Cấu lấy làm lạ, từ đó tiến cử sư làm Đô tăng chánh. Thời bấy giờ, Tô Đông Pha làm Thông thú, có làm bài tựa tặng sư. Trong ấy ghi:

“Phật tăng ở Tiền Đường rất thịnh, đứng đầu thiên hạ, người đạo đức tài trí ở lẫn lộn với kẻ ngu hèn xảo trá, thật khó mà phân biệt. Vì vậy ngoài chức phó Tăng Chánh phải bổ nhiệm thêm một chức Tăng

Chánh. Những việc như ghi chép sổ sách, đón nhận khách tăng là việc của phó Tăng chánh trở xuống, nhưng sư đã gánh vác hết những việc lớn nhỏ ấy. Quả nhiên sự hiểu biết và việc làm của sư thật xuất chúng”.

Sau khi lên làm Đô Tăng Chánh, những người lâu nay cai quản tự viện và pháp tịch bỏ trống đều được sư mời những bậc danh tăng tài năng ở các tự viện khác và những người tài giỏi dưới tòa mở một đạo tràng khảo thí trình độ cho họ. Sư đặt ra những lý luận quanh co khó biện để khảo chứng tài năng họ. Trong mười câu hỏi, người nào đáp được năm câu là trúng tuyển; ai đáp không đến ba câu thì rớt. Sau đó bổ nhiệm những người trúng tuyển này vào những tự viện chưa có trụ trì. Từ đó, tăng chúng khắp nơi đều rất ngưỡng vọng sư, họ đều lấy đó làm gương.

Sư giảng dạy hai mươi lăm năm. Học chúng có đến ngàn người. Về sau, do tuổi già sức yếu nên Sư về ở ẩn tại Thảo đường. Ngày mười bảy tháng bảy năm Hy Ninh thứ sáu, sáng sớm sư dậy tắm rửa xong, từ biệt đại chúng, ngồi kiết già chấp tay thị tịch. Trước lúc thị tịch, Sư dặn đồ chúng:

- Phải đợi Tô Đông Pha đến mới khâm liệm.

Bốn ngày sau, Đông Pha đến thấy sư ngồi kiết già như lúc còn sống, đỉnh đầu vẫn còn ấm. Đông Pha cung kính đánh lễ sư rồi quay về.

Đình Ty: Kinh quốc công Vương An Thạch tâu vua xin hiến ngôi nhà cũ của mình ở Kim Lăng làm chùa, thỉnh Đại sư Chân Tịnh Khắc Văn trụ trì. Vua ban tên chùa là Bảo Ninh.

Mậu Ngọ: Đổi niên hiệu là Nguyên Phong.

Canh Thân: Tháng hai, Từ Thánh Quang Hiến Thái hậu mất, vua thỉnh ngàn Pháp sư ở kinh thành, thiết trai cúng dường tại điện Khánh thọ.

Sửa sáu mươi bốn viện ở chùa Tương Quốc thành Nhị thiên và Bát luật. Hạ chiếu thỉnh Thiền sư Tông Bản trụ trì Tuệ Lâm, đồng thời thỉnh sư vào điện Diên Hòa ứng đối Phật pháp.

6. Thiền sư Khánh Nhàn ở Kiết châu:

Tân Dậu: Sư họ Trát, người Phước châu. Nổi pháp với Thiền sư Nam. Sư thị tịch trong năm này, lúc trà-tỳ khói quyện thành xá-lợi bao phủ hơn bốn mươi dặm. Tô Tử Do viết bài Minh.

Quý Hợi: Kinh thành dựng xong chùa Pháp Vân.

7. *Thiền sư Nghĩa Thanh ở Thư châu:*

Sư họ Lý, tên là Nghĩa Thanh, quê ở Thanh Đô. Lên bảy tuổi Sư đã tỏ ra thông tuệ khác thường, xuất gia tại chùa Diệu Tướng. Năm mười lăm tuổi nhân thi Pháp Hoa mà được độ làm đại tăng. Thầy của Sư bảo Sư học Bách Pháp Luận. Sư than:

“Con đường ba a-tăng-kỳ xa xôi, tự giam mình trong ấy nào có ích gì!”

Sư vào Lạc Dương nghe giảng Hoa Nghiêm suốt năm năm, quán xét lại văn tự, tất cả đều tinh thông, tất cả nghĩa lý sư đều thấu tận. Một lần nhân nghe đến câu kệ “Tức tâm tự tánh” của Bồ-tát Pháp Tuệ, Sư hốt nhiên tỉnh ngộ, nói:

- Pháp lìa văn tự, lẽ đâu giảng được ư!

Sư bỏ pháp hội, vân du đến Phù sơn.

Lúc này, Viên Giám Viễn Công lui về ở ẩn tại hội Thánh nam. Đêm nọ, Viên Giám mộng thấy mình nuôi một con chim Ứng rất hiếm. Viên Giám tỉnh giấc thì sư cũng vừa đến. Viên Giám cho rằng đây là điềm lành, Sư làm lễ ra mắt, Viên Giám nhận sư ở đây ba năm. Viên Giám hỏi Sư:

- Ngoại đạo hỏi Phật: “Lúc chẳng hỏi mà nói, chẳng hỏi chẳng nói thì thế nào?” Đức Thế Tôn im lặng, ông hiểu thế nào?

Sư toan mở miệng. Viên Giám liền nhào người tới bịt miệng Sư. Ngay lúc ấy, Sư khai ngộ và đánh lễ. Giám hỏi:

- Ông diệu ngộ lẽ huyền vi văng?

Sư đáp:

- Nếu có cũng phải mưa ra.

Lúc đó có vị thị giả đứng bên nói:

- Thanh Hoa- Nghiêm hôm nay như người bệnh được ra mồ hôi.

Sư liền quay lại nói:

- Ngậm cái miệng chó ông lại, ông thao thao ta muốn nôn mưa.

Sư ở lại hầu hạ Viên Giám ba năm. Giám đem y bát của Thiền sư Đại Dương giao phó cho sư và dặn:

- Ông thay ta tiếp nối tông phong Tào Động, ta trụ thế không bao lâu nữa, ông phải khéo hộ trì, không nên ở đây.

Sư bèn từ giã Viên Giám và xuống núi. Sư đến trụ tại chùa Tuệ-nhật trên Lô sơn ngày ngày xem Đại tạng. Hy Ninh năm thứ sáu, Sư quay về Long Thư. Tăng tục thỉnh sư trụ trì chùa Hải Hội trên núi Bạch Vân. Kể từ khi đắc pháp đến nay đã mấy mươi năm rồi. Đến năm Hy Ninh thứ tám, Sư dời qua núi Đầu tử. Đạo phong của sư mỗi ngày một

lan xa, thiền giả ngày càng nhiều, đệ tử ngày một đông, quả đúng như lời sấm ký trước đây.

Bình sinh, Sư không chứa vật dụng, chỉ ăn mặc sơ sài mà thôi. Hồi ấy Thiên sư Khai Sơn Từ Tế có lời kệ rằng:

*Nếu tháp ta màu đỏ
Tức là ta tái sinh.*

Người trong làng ngẫu nhiên tu sửa tháp của Sư, dùng màu mã não sơn phết tháp, sau đó không lâu thì Nghĩa Thanh đến chủ sự công việc trong viện. Trong núi vốn không có nước, chúng đều cho là bệnh, bỗng nhiên có dòng suối chảy từ trong vách núi ra, nước ngọt và trong mát vô cùng. Quận thú Hạ Công đặt tên suối này là Tái Lai tuyền.

Cuối tháng tư năm Nguyên Phong thứ sáu, Sư có chút bệnh liền gọi thư từ biệt Quận thú và chửi đàn việt. Đến ngày bốn tháng năm, Sư tắm rửa rồi lên tòa từ biệt chúng. Sư viết bài kệ:

*Trụ ở hai núi
Chẳng giúp được đạo
Các người trần trọng
Chẳng nên tìm kiếm.*

Sư an nhiên thị tịch, đồ chúng trà-tỳ nhật lấy linh cốt xá-lợi, dựng tháp phía sau am trên ngọn núi Tam Phong nằm phía Tây bắc chùa. Sư thọ năm mươi hai tuổi, tăng lạp ba mươi bảy hạ. Vô vi Tử Dương Kiệt làm bài tán trên chân dung sư rằng:

*Một chiếc giấy, hai manh áo
Chim vàng kêu thẳm, gà rừng bay
Nửa đêm lão bán dầu cười ngất
Đầu trắng sinh được con đầu đen.*

Đệ tử đặc pháp có Thiên sư Đạo Khải.

8. Bài ký nói về pháp đường Chân Như ở Gia Hưng:

Tư Mã Quang tâu vua sách mình soạn xong, vua đặt tên sách là Tư Trị Thông Giám, vua đích thân viết lời tựa, rồi giao cho Tư chánh điện Học sĩ. Tư Mã Quang có lần viết bài ký cho Chân Như Hoa Nghiêm Pháp đường ở Tú Thủy rằng:

“Tháng tư, mùa hạ năm Nhâm thìn, tăng Thanh Biện đến phủ tôi báo rằng Thanh Biện là tăng ở Chân Như thảo đường thuộc Tú châu. Chân Như vốn đã có giảng đường nhưng chật hẹp không dung hết người học. Thanh Biện cùng Đồng Thuật, Tuệ Tông tu sửa và làm mới lại. Nay đã hoàn thành, Biện này đến xin lời văn của ông, khắc vào bia đá

để lưu truyền cho hậu học. “Tôi từ chối nói:” chữ nghĩa của Quang tôi không hay e rằng làm hư bia đá, hơn nữa bình sinh tôi không đọc sách Phật, không biết phải viết như thế nào, thầy nên mời người khác đi: “Thanh Biện nói:” Biện tôi không dám mời người khác nên phải nhờ đến ông, lẽ đâu ông lại chối từ sao! Tôi cố chối từ nhưng không được, bèn hỏi Biện: “Thầy đã là đường (nhà) rồi, ý thầy thế nào?”

Biện nói: Thanh Biện đã là đường rồi nhưng muốn dẫn dò người trong đường rằng: Hai ba người các ông, nếu có thể cứu xét rõ kinh điển của nhà Phật ta; còn nếu không được thì phải mời lấy tài năng của bốn phương, rồi tạ ơn họ vì mình bất tài. Sau đó dẫn chúng đến chùa Tinh Nghiêm đón Sa-môn Đạo Hoan và lay ông ấy làm thầy.”

Biện lại dẫn dò đồ chúng mình rằng: “Hai ba người đệ tử của ta từ nay về sau hãy đồng tâm hợp lực, cùng gánh vác trọng trách nơi thảo đường, nếu thiếu thầy thì phải mời thỉnh, được vậy thì đá vàng mới nêu danh, núi sông mới lưu dấu, mà tiếng tăm nơi giảng đường mới mong không dứt.” Tôi nói: Ý của thầy thì tốt rồi, nhưng Quang này tuy không đọc sách Phật nhưng cũng từng được nghe Phật cũng là con người. Phật vốn là người hiền bên Tây Vực, ông ấy là con người cần kiệm trong sạch ít ham muốn, Từ bi bác ái thương vật, cho nên chỉ mặc áo thô xấu, chỉ ăn toàn rau dưa, ở nơi hang núi đồng hoang, từ bỏ vợ con, vì vậy ông ấy thường tự chăm lo cho mình và rất sợ làm phiền người khác. Dù là cỏ cây côn trùng nhưng không dám giết, bởi vì ông muốn muôn vật đều được sống chứ không muốn chúng tàn hại lẫn nhau. Thế nên đạo của ông ấy chủ trương gọi sạch bản thân, không để vật làm liên lụy, giống như học trò của Lăng Tử Trọng Tiên của Trung Quốc gần đây.

Đức của Thánh nhân thì trùm khắp, đức của người hiền thì thiên lệch. Trùm khắp thì không đâu mà chẳng che chở, thế nhưng những kẻ thấp hèn vẫn không tránh khỏi bỏ gốc sai nguồn, hướng gì là những người có đức thiên lệch. Bởi vậy người đời sau viết sách Phật càng cách xa thì càng dối trá đều phóng đại như những lời của thầy rồi phụ thêm vào, dùng những lời lẽ đao to búa lớn mà lừa dối nhằm làm kinh hãi người thế tục để thu nhận học trò đông đúc trên đời. Tự mình muốn sung túc mà chẳng biết nhàm chán. Vì thế mặc một cái y đáng giá tới trăm đồng vàng. Không kể thù the lụa quá mức. Một bữa cơm có khi tốn cả vạn tiền, nếu không tổ chức yến tiệc lớn. Làm nhà to, làm đường cao để tự cung phụng bản thân, chí của Phật lẽ đâu lại như vậy chẳng? Thiên hạ thờ Phật tất cả đều như vậy, mà nhất là người nước Ngô. Thầy đã là đường rồi thì nên đem thân mình làm sáng danh đạo

Phật. Đó mới là nghĩ sâu đến ngọn nguồn mà lại không phóng đấng với kẻ ngu muội, được vậy thì ngôi thảo đường này mới có ích, lẽ đâu là việc nhỏ chẳng?”

9. Lý Bình Sơn nước Kim Luận về Phật pháp:

Lý Bình Sơn nước Kim nói:

“Tô Thức soạn mộ chí cho Tư Mã Quang có ghi: Ông không thích Phật, nói: “Cái tinh vi của đạo Phật không ngoài sách của ta, cái hư dối của đạo Phật, ta không tin”. Than ôi! Cái thông minh che lấp con người đến thế thì quá lắm rồi. Cái giống thì bảo rằng không ngoài sách của ta, cái khác thì cho rằng hư dối không tin. Đó đủ thấy tự mình ngăn lấp bản chất thông tuệ của mình vậy. Đạo của Thánh nhân tương thông như móc xích; tương hợp như dấu, ấn; cách mấy ngàn dặm nhưng như ở một nhà; kế thừa đến mấy vạn đời nhưng như cùng một pháp tịch. Thế nên Khổng Tử nói: “Tây phương có Thánh nhân chẳng?”. Trang Tử nói: “Muôn đời sau gặp được bậc Đại thánh mà biết được kiến giải của họ là do sớm tối đã gặp được họ, điểm tinh vi ấy lẽ đâu lại không giống?” Liệt Tử nói: “Ngày xưa những bậc thần thánh trước tiên hiểu được quỷ thần lỵ my, kế đó thông đạt nhân dân trong tám phương, sau cùng sống chung với chim muông cầm thú, nhờ biết tất cả tính chất của muôn vật cho nên hiểu được ngôn ngữ của mọi loài. Những lời giáo huấn của họ không sót một loài nào thì có gì hư dối đâu!” Khổng Tử là Thánh nhân trong loài người cho nên những gì tồn tại bên ngoài đất trời và bốn phương thì không bàn đến. Trâu Diễn, Liệt Ngự Khấu, Trang Chu là những kẻ sĩ vượt ngoài cõi người nên không có gì mà họ không bàn đến. Thế nhưng nhìn lại thì không bằng cái tầng tầng lớp lớp của sách Phật. Đó đều là những điều mà tai mắt không nghe nhìn đến được. Quang sớ dĩ không tin là do không nghe nhìn được. Những điều mà không phải tai mắt nghe nhìn được, ta dám không tin ư? Quách Phác Nhật là người ghi chép giấy tờ cả mười năm trong Tấn thất, lẽ đâu nghi Phật ta không thể ghi những việc trong trăm vạn kiếp chẳng? Thuật sĩ Tả Từ tàng hình ở Ngụy đồ thân đồng như màu muôn vật, lẽ đâu nghi Phật ta không thể hóa trăm ngàn ức thân chẳng? Trương Phòng dạo chơi trong quả bầu thì người ta tin rồi, lẽ đâu không tin tượng thất của Duy-ma-cật dung chứa đến ba vạn tòa, hay thuyết “Núi Tu-di nằm trong hạt cải” chẳng? Giác mộng của Chẩm Thượng ở Hàm Đan, người ta tin rồi, lẽ đâu không tin tháp của Phật Đa Bảo trụ đến năm mươi kiếp chẳng? Hay không tin thuyết “Vượt qua tầng kỳ bằng lúc khảy móng tay” chẳng? Nếu không

tin gì cả thì đâu biết Quang cũng đã từng nằm mộng? Chợp mắt lúc nào thì hờn hở lúc nấy. Núi sông xóm làng dày đặc mà còn kể được, con người vật dụng ở đâu mà chẳng có, cúi ngưỡng tới lui ngay trong ấy thì đã một đời rồi. Đó chỉ là cảnh tượng do thức thứ sáu của phàm phu phân biệt hiện khởi mà thôi, nhưng công năng đã như vậy, huống gì là Đại viên cảnh trí của Như Lai, Tam-muội không thật của Bồ-tát. Người học nên tự chấm dứt đi, đừng đeo bám những thứ hư danh ấy.

10. Trình Cảnh lập luận ghét khoa cử:

Trình Cảnh là môn nhân của Minh Đạo tiên sinh, Thần Tông vốn nghe danh ông và nhiều lần cho triệu kiến. Một hôm, nhân lúc ông cùng An Thạch bàn việc nhưng không hợp ý. An Thạch nói:

- Sở học của ông như lèo tường vách, nói thì được nhưng khó thực hành.

Cảnh nói:

- Sở học của Tham chánh như bắt gió.

Hồi ấy, Lý Định cho rằng sở học của ông là tân pháp, là dị luận đầu tiên, do vậy mà bị cách chức sau lại bị đày đến Nhữ châu. Khi vua lên ngôi triều Định về làm chức Tông Chánh nhưng chưa kịp đi thì Định chết. Cảnh thường cùng em là Chu Đôn Tích luận về sở học. Từ đó ông tỏ ra chán ghét cái học theo kiểu khoa cử. Ông khẳng khái và lập chí cầu đạo, ông cho rằng Mạnh Kha chết thì cái học của Thánh nhân không còn lưu truyền nữa, và ông đã viết lời văn này như nhắc nhở mình. Ông viết:

“Đạo sở dĩ không sáng là vì dị đoan làm hại. Mối hại của ngày xưa cạn và dễ biết; mối hại của ngày nay sâu và khó lường. Ngày xưa, điều làm con người ta mê hoặc là do mê muội; ngày nay điều làm người ta mê hoặc là do cao minh. Tự cho mình thấu thần diệu, tỏ biến hóa nhưng không đủ để khai hóa vạn vật. Nói là châu biến khắp cả nhưng sự thật lại nằm ngoài luân lý. Tuy nói thấu chỗ thâm sâu, tận điều vi diệu nhưng rốt cuộc không vào được cái đạo của Nghiêu, Thuấn. Người học trong thiên hạ nếu không cạn cợt, ngưng trệ thì tất vào được chỗ này. Đạo mà không sáng thì các thuyết tà mỵ yêu dị đua nhau nổi lên làm mờ tai mắt muôn dân, nhận chìm thiên hạ trong nhớ ứ. Những người tài cao học rộng thì chấp chặt theo cái thấy nghe, sống say chết mộng mà chẳng thấy phản tỉnh. Từ đó con đường chân chánh bị cỏ dại mọc đầy, cửa ngõ Thánh nhân bị lấp kín. Mỡ mang ra thì mới có thể vào đạo được. Điều quan trọng là phải biết dạy người ta biết nên dừng lại, thật

lòng muốn vô yên thiên hạ, quét sạch mọi thứ đối đáp đến khi tận cùng lý tánh mới thôi, phải làm một cách có thứ lớp như vậy. Cái bệnh của người học ngày nay là bỏ chỗ gần chạy tìm chỗ xa, đứng chỗ thấp mà dòm chỗ cao. Vì vậy cái tâm xem thường ngày càng to lớn nhưng chết đi mà chẳng được chút lợi ích gì”.

11. Lý Bình Sơn nước Kim biện luận:

Cư sĩ Lý Bình Sơn nước Kim biện luận:

“Trình Cảnh luận sở học với Chu Đôn Tích rằng, đạo sở dĩ không sáng là vì dị đoan làm hại. Mối hại của ngày xưa cạn và dễ biết; mối hại của ngày nay sâu và khó lường. Ngày xưa, điều làm con người mê hoặc là do mê muội; ngày nay điều làm con người ta mê hoặc là do cao minh. Tự cho mình thấu thần diệu, tỏ biến hóa nhưng không đủ để khai hóa vạn vật. Nói là châu biến khắp cả nhưng sự thật thì nằm ngoài luân lý. Tuy nói thấu chỗ thâm sâu, tận điều vi diệu nhưng rốt cuộc không thể vào được cái đạo của Nghiêu, Thuấn. Người học trong thiên hạ nếu không cạn cợt, ngưng trệ thì tất vào được chỗ này.”

Than ôi! Lời của bọn Nho gia bài xích Phật giáo, không có lời lẽ nào sâu cay và đau buốt như đây. Tôi đọc Chu Dịch, biết dị đoan không có gì làm lạ; đọc Trang Tử thấy dị đoan đều là niềm vui; đọc kinh Duy-ma biết những điều ấy không phải là dị đoan; đọc kinh Hoa Nghiêm mới biết chẳng hề có dị đoan nào cả. Trong Chu Dịch nói: “Đạo cùng tồn tại mà chẳng chống trái, dù ở ẩn hay ra làm quan, dù im lặng hay nói năng tuy khác đường nhưng cùng một đích đến, đồng loạt nhưng lại trăm ý, tuy có dị đoan thì cũng có gì lạ đâu”.

Trang Tử nói: “Không thấy được khắp cả trời đất, người xưa thể nhập vào đạo thuật và chia ra cho thiên hạ, như mắt tai mũi miệng không hề thông nhau, như tra lê cam quýt chẳng cùng một vị, tuy không đủ cho khắp thiên hạ dùng nhưng có thể dùng cho thiên hạ. Quý quyết quái dị, đạo thông làm một, bởi vậy dị đoan đều là niềm vui”.

Kinh Duy-ma nói: “Bọn tà kiến ngoại đạo đều là thị giả của ta. Hàng Lục địa Bồ-tát có thể làm ma, hủy Phật báng pháp, nhưng không như bọn họ; đọa theo bọn Lục sư nhưng đều thọ dụng pháp thực nhưng không hề có dị đoan.”

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới nói: “Chư Thiện tri thức nhiều như a tăng kỳ đều tu hành đạo Bồ-tát trong vô lượng kiếp. Quốc Vương, Trưởng giả, Cư sĩ, Tăng Ni, Phụ nhân, đồng nữ, ngoại đạo, quỷ thần, Thiên sư, thầy thuốc cho đến người đốt hương đều là pháp môn.

Nêu sơ lược đến năm mươi ba loại. Như tâm tàn nhẫn của Vô Yếm Túc vương, lòng dâm dăng của Bà tu mật nữ, sự khắc khổ của Thắng Liệt tiên nhân, sự đùa giỡn của Tụ Sa đồng tử, sự quái dị của Đại thiên, sự u ám của Chủ Dạ đều là cửa ngõ đại giải thoát”.

Trong pháp giới này không hề có việc dị đoan. Đạo không có xưa nay, mối hại lẽ nào có cạn sâu chẳng. Chỉ sợ rằng người mê muội chưa hẳn đã mê muội, kẻ cao minh tự cho mình cao minh mà thôi. Tôi có lần bàn thử, ba Thánh nhân cùng ra đời trong thời nhà Chu, như mặt trời mặt trăng và sao cùng xuất hiện ở Phù Tang, như sông Trường giang, Hoàng hà, Hoài hán cùng gặp nhau ở ngọn Vĩ Lư, không phải là việc ngẫu nhiên. Tâm của họ thì đồng nhưng dấu tích thì khác. Đạo của họ thì một nhưng giáo lại có ba. Khổng Tử là Thánh nhân trong loài người, trong khi dạy người, điều mà ông ấy sợ nhất là sợ muôn dân bị hoa mắt trước những chủ thuyết quá cao, như vậy thì hiểu rộng mà không có chỗ quy hướng. Bởi vậy Khổng Tử đúc kết lại bằng danh giáo. Lão Tử là Thánh nhân vượt ngoài loài người trong khi dạy đời. Điều mà ông ấy sợ nhất là sợ muôn dân mê muội trước những ngôn từ mầu nhiệm, như vậy thì sẽ bị ngăn lấp mà không có đường vào. Bởi vậy Lão Tử chỉ dạy dân bằng chân lý. Giáo lý của họ không hề khiếm khuyết, sở dĩ có sự chênh lệch là do học trò của họ phân tích một cách chi ly nhưng lại không hợp với chủ thuyết.

Kinh sách của nhà Phật ta truyền qua phía Đông thì không như vậy. Bao quát cả đất trời mà vẫn còn thừa, thể nhập trong cái nhỏ nhiệm mà không gián đoạn, mượn lời của muôn miệng để đùa với con người huyền. Ngũ giới, Thập thiện mở con đường cho Trời, Người tại pháp hội trong vườn Lộc uyển; Tứ thiên, Bát định lập Thanh văn thừa dưới ngọn Linh thứu. Lục độ vạn hạnh nhằm trồng cái nhân Bồ-tát, Tam thân, Tứ trí nhằm kết quả Như Lai, lên ngôi Chánh giác chỉ trong một sát-na, độ chư hữu tình trong a-tăng-kỳ kiếp, biến khắp thời gian trong ba đời, trùm khắp không gian của mười phương; chuyển pháp luân trong khoảng khảy móng tay, lưu xuất kinh luận nhiều như cát bụi. Luật nghi lớp lớp đến tám vạn bốn ngàn; kinh luận hàng hàng, đơn phức mười hai loại. Âm bổ lễ kinh vốn trước đây vua chưa đặt ra, mở thẳng đạo học. Những lời huyền diệu của Thánh nhân đâu phải dễ bàn, đến khi giáo pháp lưu hành rộng khắp thì ai nấy cũng đều nhận lãnh được. Như cá bơi lội trong biển lớn, như chim chao liệng trong hư không, xông ướp vào da thịt như mùi hương Chiêm-bạc, thấm nhuần đến ruột gan như nước cam lộ. Văn chương bút nghiên tất cả đều là Du hý Tam-muội.

Đạo giáo Nho gia đều là đạo tràng của Bồ-tát. Các vị vua thông tuệ biện tài đều có chỗ đến đi. Đặc biệt là những việc trong đời khác chỉ do quên mất mà thôi. Hướng gì sở học của họ Trình nằm ngoài sách Phật sao lại dùng để hủy báng.

Thương thay! Hơn nữa chữ chữ phải thật tâm dạy người nhưng mình vượt ngoài những lời ấy, dựa vào đó mà lừa dối người là kẻ ngu, tự lừa dối mình là kẻ cuồng.

Tiếc thay! Nói là cùng lý tận tánh nhưng đến lúc này mà trong lòng vẫn còn hơn thua thì quả thật bệnh đã nhập vào đến xương cốt rồi. Than ôi!

12. Triết Tông: (Bính Dân)

Triết Tông tên là Hú, con thứ sáu của Thần Tông, ban đầu là Diên An Quận vương. Khi Thần Tông bệnh nặng, bèn lập ông làm Thái tử. Có lần ông bị bệnh và gầy ốm, rất ghét quần thần nhìn mình ông khinh và giết họ, quả là ông vua bất nhân. Ông lên ngôi năm mười tuổi, Thái hậu họ Cao lâm triều thính chính, chín năm sau mới giao quyền lại cho ông. Ông thọ hai mươi lăm tuổi, an táng ở Vĩnh Thái lăng, ở ngôi mười lăm năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Nguyên Hựu.

13. Bài tựa Tiền Kiến Cung Thần đi tham học với Thiền sư Chiêu Giác:

Vô Tận Trương Thương Anh viết bài tựa tiền Vũ Sĩ Kiến Cung Thần tự là Dực Chi đi tham học với Thiền sư Chiêu Giác ở Lô sơn. Lời văn viết:

“Thành đô Đạo sĩ Kiến Dực Chi đến nói với tôi rằng, tôi xuất thân trong dòng danh gia vọng tộc, Tướng Quốc đương triều gả con gái cho tôi, tôi lấy vợ sinh con cũng như bao người khác. Nhân xem Đạo tạng thần tiên truyện ký mà tôi bỗng nhiên tỉnh ngộ. Trong lúc sức lực dồi dào, tinh thần minh mẫn, muôn âm thanh tràn vào tai tôi, muôn màu sắc làm hoa mắt tôi, mọi thứ ngon ngọt lấp đầy miệng tôi, mọi thứ hương thơm xông đầy mũi tôi, mọi thứ mượt dịu phủ đầy thân tôi, niềm vui nổi buồn đầy trong ý tôi. Sáu tháng giặc này thừa lúc tôi sơ ý đã ngày đêm thân gần tôi chưa phút giây nào lơ lửng. Một sớm hình dung tôi hao gầy, sức lực tôi suy giảm, tinh thần tôi tiêu tụy, thần thái tôi mệt mỏi, tám ngọn gió lạnh nóng thổi tràn, trăm thứ tà mị lừa dối, âm hồn muốn chìm xuống, dương hồn muốn bay lên, thì sáu tháng giặc này không đứa nào chịu thay cho tôi cả. Thế nên nổi thống khổ của thiên hạ tôi biết rất rõ.

Luyến ái nơi phòng the không ai hơn vợ mình, ân tình cốt nhục không ai hơn mẹ mình, Cung Thần tôi đều có cả nhưng rồi tạ từ mà đi, lấy việc khác mà lừa dối họ. Tôi đi xa cả trăm dặm, trôi nổi nơi Giang hạ, Bộc thủy, vượt ngàn dặm ra khỏi Đồ sơn, tham vấn Sầm Công ở Động phủ, chiêm bái thần nữ ở Từ quán, rồi dần dà đến Chử cung. Tôi vượt Cửu giang vào tận Lô sơn, dựng am tranh trong hang Cẩm tú, hú dài trên đỉnh Hương lô, vỗ bàn đá mà nghêu ngao, xuống suối sâu mà rửa cẳng, bởi vì thuật của tôi lấy tánh làm nền tảng, lấy mạng làm nơi gá nương, đầu là tạo tác cuối là vô vi. Trộm nghe tiên sinh cứu xét diệu chỉ “Ly vi”, tận cùng nẻo về của dấu tích, trỗi khúc nhạc không dây đàn, cỡi trên lưng ngựa sắt. Thế nên tôi không ngại ngàn dặm đến đây yết kiến tiên sinh. Hãy thử nói tôi xem!

Tôi đáp: “Khí khái thay! Chí của ông! Làm được những việc khó làm, bỏ được những điều khó bỏ, tôi quả thật không bằng ông. Tôi vừa rồi miệng bị bệnh không thể trả lời ông. Tôi có người bạn vân du tên là Thường Tổng đang ở tại Đông Lâm, ắt sẽ giải quyết mọi mối nghi cho ông. Xin ông hãy đem lời tôi mà đến hỏi ông ấy”.

Đình Mão: Vua hạ chiếu sửa chùa Linh Phong trên núi Đại hồng làm thiền viện.

14. Tăng Thống Nghĩa Thiên ở Cao Ly:

Ngài họ Vương là con thứ tư của Văn Tông Nhân Hiếu vương nước Cao Ly. Ngài từ bỏ vinh hoa xuất gia, được phong làm Hựu Thế Tăng thống. Đầu năm Nguyên Hựu, ngài vào Trung Quốc hỏi đạo. Ngài dâng biểu xin được học giáo pháp của tông Hiền Thủ. Vua bảo Lương Nhai cử người truyền pháp, trong đó có Thiền sư Giác Nghiêm Thành ở Đông kinh, nhưng Giác Nghiêm Thành tiến cử Pháp sư Huệ Nhon Tịnh Nguyên ở Tiền Đường thay mình. Vua sai Dương Kiệt tiến Nghĩa Thiên đến thọ pháp với Pháp Sư Huệ Nhon (Tịnh Nguyên) Khi ngài đến, các chùa đều đón rước, lo đủ cơm nước, nơi ăn chốn ở. Đầu tiên Ngài đến Kinh sư, triều đình liền phái Lễ bộ Tô Thức đến hội quán chuyện trò với ngài và dẫn ngài đến yết kiến Thiền sư Viên Chiếu bày tỏ ý nguyện của mình. Sau ngài đến Kim sơn, Phật Ấn ngồi nhận lễ, Dương Kiệt thất kinh, hỏi nguyên do. Phật ấn đáp:

- Nghĩa Thiên là tăng nơi khác đến, nếu làm như thế tục thì các nơi còn coi ra gì nữa, như vậy làm sao nêu tỏ phép tắc của Hoa Hạ ta.

Triều đình nghe được đều cho ngài là người biết lễ. Ngài đến Tuệ Nhân viện trì Hoa Nghiêm sơ sao cốt giải hết mối nghi, đọc đến một

năm thì xong. Thế rồi ngài nhận thấy văn nghĩa của tông Hoa Nghiêm khoáng đạt nên ngài hoàng truyền giáo nghĩa tông này. Đến khi gặp được Thiên Trúc Sa-môn Từ Biện, ngài hỏi về giáo quán Thiên Thai, kể đó ngài qua Phật Lũng lễ tháp của Đại sư Trí giả và nguyện:

“Xin học giáo quán của Từ Biện, trở về nước xiển dương, mong Đại sư thăm gia hộ.

Sau ngài gặp Linh Chi Đại Trí, Trí thuyết giới cho ngài nghe, nhân đó ngài xin học, đồng thời ghi chép lại đem về nước. Khi về, ngài để lại ba dịch phẩm Hoa Nghiêm tại Tuệ Nhân viện và lập riêng ra một nhà gác để cất giữ.

15. Pháp sư Tịnh Nguyên Ở Tấn Thủy, Hàng châu:

Mậu Thìn: Tháng mười một năm này, Pháp sư Tịnh Nguyên ở Tấn Thủy Hàng châu thị tịch. Ngài họ Dương, thọ học Hoa Nghiêm với sư Thừa Thiên ở Ngũ Đài. Thiên từng chú Kim sư tử chương, học Hợp luận ở Minh đàm, Hoàn hải. Ngài về Nam, nghe giảng Lăng Nghiêm Viên Giác, Khởi tín luận ở Trường thủy. Học chúng bốn phương đều suy tôn ngài là bậc Thượng thủ về nghĩa học. Tăng chúng thỉnh ngài trụ trì Thanh Lương. Sau ngài qua đất Ngô ở tại Báo An Quan Âm. Hàng Thủ, Thẩm Văn Thông lập Hiền Thủ viện ở Tường phù rồi thỉnh ngài đến ở. Sau ngài qua Thanh trấn ở trong Mật Ấn Bảo Các với Hoa Đình Phổ Chiếu.

Tăng thống Nghĩa Thiên của Cao Ly đi bằng đường biển qua hải đảo, lụy ngài làm thầy. Hồi ấy Hoa Nghiêm sơ sao từ lâu đã bị mai một, nhân Nghĩa Thiên đến và khẩu tụng lại, nhờ đó được lưu hành khắp nơi.

Tả thừa Bồ Tông Mạnh đi vỗ yên dân chúng đất Hàng, khẩn thiết thỉnh cầu, tâu vua đổi Tuệ Nhân viện thành viện Giáo môn và thỉnh ngài trụ trì. Lúc ngài Nghĩa Thiên về nước có để lại đây ba dịch phẩm Hoa Nghiêm gồm một trăm tám mươi quyển và giao lại cho ngài (đời Tấn, Pháp sư Nghiêm Quán dịch sáu mươi quyển; đời Đường, ngài Thật-xoan-đà dịch tám mươi quyển; đời Đường, nước Ô Trà dâng kinh, ngài Trưng Quán dịch bốn mươi quyển). Ngài dựng một gác cao và an trí kinh trên ấy. Thời bấy giờ người ta gọi ngài là Giáo chủ trung hưng giáo nghĩa. Chùa này do thờ kinh này nên người ta gọi là chùa Cao ly. Tháp ngài ở phía Tây bắc của chùa. Ngài thọ bảy mươi tám tuổi. Tiên thế của ngài là người Tấn thủy, vì vậy học giả đều lấy Tấn Thủy để gọi ngài.

16. Thiên sư Tán Nguyên ở Tường sơn:

Sư tự là Vạn Tông, người Nghĩa Ô Vụ châu, là cháu mấy đời của Song Lâm Phó Đại Sĩ. Sư xuất gia năm ba tuổi, bảy tuổi làm Đại tăng, tính sư điềm đạm, trầm tĩnh ít nói, nhìn vào chẳng khác kẻ quê mùa nhưng không có truyện ký gì mà sư không đọc, ngôn từ sư tuôn ra đều thanh cao thoát tục, đặc biệt rất ít viết lách. Năm mười lăm tuổi, Sư du phương đến Thạch Sương yết kiến Thiên sư Từ Minh và ở lại đây già gạo bữa của, như thế suốt mười năm. Từ Minh dời qua Nam Nhạc, Sư cũng qua theo. Đến khi Từ Minh tịch, Sư an táng Từ Minh ở Thạch Sương, tám năm sau sư đi. Tường Sơn Tâm Công kế thế Từ Minh. Tâm Công tịch sư kế thế pháp tịch.

Hồi ấy, Thụ Vương xích mích với Đinh Thái Phu nhân, nên Vương vào núi đọc kinh, kết giao với sư rất thân thiện. Vương hỏi ý chỉ Tổ sư thế nào, Sư không đáp. Vương nài nỉ. Sư nói:

- Trí của ông có ba điều chướng nhưng ông có chí hướng đạo, một hai đời nay lại sợ thuần thực.

Wương thưa:

- Xin được nghe sư chỉ bảo.

Sư nói:

- Ông bẩm tính đồng mãnh, thế duyên sâu nặng, do bản tánh cương trực nên gặp phải không ít thế duyên, nhưng đều đem thân mình gánh vác trọng trách trong thiên hạ, ôm hoài bão kinh bang tế thế nhưng việc nhà rồi tung là tâm chưa bình thường. Đem cái tâm chưa bình thường, nắm cái chí tế thế thì lúc nào mới có thể một niệm như muôn năm. Ông giận dữ nhiều, học vấn lại chuộng lý, đối với đạo đó là sở tri ngu, ấy là ba điều chướng. Hãy xem danh lợi như cạo bỏ râu tóc, ăn uống đạm bạc như khổ hạnh, đây là gần với đạo, hơn nữa phải dùng giáo thừa gội rửa trước mới được.

Thụ Vương đành lẽ nghe theo. Đầu năm Hy Ninh, Vương vào ứng đối với sư, từ đó đạo phong của sư chấn động thiên hạ. Tháng nào Vương cũng đến nhưng sư chưa từng mở mắt nhìn. Khách đến sư không phân biệt sang hèn, ngoài những câu hỏi thăm sức khỏe, Sư chẳng nói điều gì, nhắm mắt ngồi yên như nhập định, khách thấy vậy đi về.

Một lần sư ra khỏi thành, có một gã điên cầm dao chạy vào chùa đâm chết vị Tăng. Tả hữu chạy đi trả thù. Sư về, đi ngang qua chỗ để thi thể nhưng chẳng nhìn mà vào thẳng phương trượng ngồi thiền. Mọi người vây quanh mong sư giải quyết nhưng sư vẫn nhắm mắt ngồi yên, thấy vậy ai nấy lẳng lặng bỏ về, rốt cuộc chẳng hỏi được gì.

Đầu năm Nguyên Hựu, Sư nói:

- Ta muốn về Đông Ngô. Nói xong, Sư thị tịch. Vương Thư khóc than thống thiết, an táng sư ở Tưởng sơn.

17. Tô Lão Tuyên viết bài ký về viện Viên Giác: (Kỷ Ty)

Tô Lão Tuyên có lần viết bài ký về viện Viên Giác ở Bành châu.

Trong ấy nói:

“Con người ta ở đâu tất có niềm vui ở đó. Ở thì phải vui, không vui thì không ở. Ở mà không vui, không vui nhưng không đi là tự dối mình, dối trời. Người quân tử thẹn vì ăn cơm người ta nhưng không có công cáng, thẹn vì mặc áo người ta nhưng chẳng giúp gì cho họ, bởi vậy ở nhưng không vui. Với ta chỉ còn nhả cơm cởi áo bỏ lại để trốn sự gièm pha của thiên hạ mà thôi. Trời cho ta hình hài nhưng bắt ta phải dùng tâm tiết chế. Hôm nay ta muốn đi Tần, ngày mai lại muốn đi Sở, trong thiên hạ ai cũng cấm ta. Bởi vậy ở mà không vui, không vui nhưng lại không muốn đi. Đó là tâm không tiết chế được thân, hưởng gì là chế ngự người khác.

Từ đời Đường đến nay, sĩ đại phu trong thiên hạ đua nhau bài xích Thích, Lão, bởi vậy học trò muốn cầu học với ta. Trong đám sĩ đại phu ấy thường cũng có người phản thầy mình rồi đến xin ta chữa chấp. Nhưng sĩ đại phu của ta lại thích người ta đến, ân cần tiếp đón họ, lạy bọn uống rượu ăn thịt như Linh Triệt, Văn Sướng để tự cắt đứt giáo pháp của mình. Than ôi! Về với cha mẹ như vậy, về với nhà cửa như thế mà ta vẫn chấp nhận bọn người phản thầy như vậy chăng? Cha mẹ không chịu quay về, nhà cửa không chịu quay về lại chạy theo bọn phản phúc, những kẻ ấy không thể đứng vững trong thiên hạ dù chỉ một ngày.

Truyện viết:

“Bề tôi không kết giao bên ngoài”. Bởi vậy Quý Bố nổi tiếng là trung thần ở đất Sở, tuy chẳng bằng bậc tiên giác của Tiêu, Hàn nhưng so với những kẻ phò tá của Đinh Công thì hơn hẳn rồi. Tôi ở Kinh sư, Tăng Bảo Thông, người Bành Thành khẩn thiết đến cầu học với tôi. Lúc tôi đi Thục, nghe ông ấy từ Kinh sư về chỉ mặc áo vải, ăn rau dưa làm người mẫu mực cho học trò. Trong ngần ấy năm, viện Viên Giác rất thịnh ,Ngày nọ, vì muốn nêu tỏ tiếng tăm của viện và công đức của thầy tôi là Đại sư Bình Nhuận nên ông ấy mời tôi viết bài ký. Bảo Thông vốn là người không phản thầy đã làm tôi vui lây, bởi vậy tôi viết bài ký rằng: Tăng Bình Nhuận ở chùa Long Hưng, Bình Thành giảng Kinh Viên Giác rất đặc thù, bởi vậy đặt tên viện này là Viên Giác. Viện

này trước đây cỏ mọc um tùm, từ khi Bình Nhuận đến mới bắt đầu phát hoang dọn dẹp, lập ra điện đường, đã có hai vị Tăng kế thừa rồi mới đến Bảo Thông. Thông lại xây cất tiếp những tăng xá bên cạnh mới thành hình tự viện như thế này”.

18. Ma Nạp tán của Tô Đông Pha:

Tô Thức do họa sĩ Long Đồ các mà biết Hàng châu. Ông tâu xin vua khơi thông Tây Hồ, lấy Tế sơn làm bờ. Người Hàng châu gọi ông là Tô Công Đề Thiệu Thánh năm thứ tư, ông bị đày đi Đam châu. Đến tháng sáu năm Nguyên Phù thứ ba mới từ hải ngoại về và ở tại Thường châu. Ngày ông đi Hoàng châu, ông có dựng ngôi nhà lấy tên là Đông pha Cư sĩ. Ông mất ngày hai mươi tám tháng bảy niên hiệu Tĩnh Quốc năm đầu. Triều đình phong ông làm Lang Đề Cử Thành Đô Ngũ Cục Quán. Ông từng viết bài Ma nạp tán cho Phật Ấn. Trong ấy ghi: “Đại sư Liễu Nguyên Phật Ấn đến Kinh sư, thiên tử nghe danh liền đem Ma nạp do Cao Ly triều cống cúng dường ngài. Có người thấy vậy khen: Ôi! Lành thay! Xưa nay chưa từng có”.

Có lần ông cầm vật y ấy lên, nhìn những đường ô dọc ngang rồi nói với Phật ấn:

- Đông đến Ngung Di, Tây đến Muội Cốc, Nam đến Giao Chỉ, Bắc tận U Đô, tất cả đều ở trong đường tơ của những lỗ kim này.

Phật Ấn vui vẻ cười nói:

- Lời của ông quê mùa quá rồi. Tôi nhìn bằng pháp nhãn thì mỗi mỗi lỗ kim có vô lượng thế giới. Mỗi một chúng sinh trong vô lượng thế giới đó đều có áo này nhiều như tất cả lỗ chân lông để mặc. Đường kim mũi chỉ đều là thế giới, cứ thế lần lượt xuyên qua tám mươi lần. Quang minh của Đức Phật ta chiếu ra, thánh đức của vua ta bủa ra giống như gom biển cả để trong giọt nước trên đầu sợi lông, như đem đại địa đổ trên đầu mũi kim thì Ngung Di, Muội Cốc, Giao Chỉ, U Đô nào có đủ thiếu gì đâu. Nên biết y Ma nạp này chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng ngắn chẳng dài, chẳng nặng chẳng nhẹ, chẳng mỏng chẳng dày, chẳng sắc chẳng không. Mọi vật trên thế gian co rúm nứt nẻ nhưng áo này không lạnh; đá nát vàng chảy nhưng áo này không nóng; ngũ trược tuôn tràn kiếp hỏa phừng phừng nhưng áo này chẳng hoại. Như vậy có phải suy nghĩ mêng lung sinh tâm hạ liệt?

Tô Thức nghe xong, ngợi khen:

- Cát ở trong rương thì thấy áo mà không thấy sư, đem ra mặc thì thấy sư mà không thấy áo. Sư và áo chẳng phải một cũng chẳng phải

hai, ghé mắt nhìn vào thì thấy rõ chấy rận, tượng vương.

19. Thiền sư Viên Thông Pháp Tú:

Sư họ Tân, người Lũng Thành, Tần châu. Hồi ấy, mẹ sư mộng thấy vị Tăng gầy ốm, râu tóc bạc phơ vào nhà nói:

“Ta là Tăng trên núi Mạch tích”.

Tỉnh dậy, bà biết mình mang thai.

Trước đây trên núi Mạch tích có một vị Tăng không rõ tên họ là gì, ngày ngày ông tụng Pháp Hoa. Kết giao với Lỗ Hòa thượng ở chùa Ứng Càn. Có lần ông muốn du phương với Lỗ Hòa thượng nhưng Lỗ Hòa thượng chê ông già. Ông nói:

- Ngày sau ngài phải tìm tôi ở dưới ngọn Thiết Cương phía trước sườn núi chỗ có rừng tre xanh. Lúc ấy, Lỗ Hòa thượng bỗng nghe nói có một đứa trẻ vừa sinh ngay nơi đó nên liền đến xem. Vừa thấy Lỗ Hòa thượng đứa bé liền cười. Lên ba tuổi, đứa bé ấy xin về chùa với Lỗ Hòa thượng, từ đó đứa bé lấy họ Lỗ. Đứa bé này chính là sư.

Năm mười chín tuổi, Sư thọ Cụ túc. Sư bẩm tính mẫn tuệ, thông minh xuất chúng, phong cách dị thường, tinh thông kinh luận, cơ phong chẳng ai lường nổi, nổi tiếng ở Kinh Lạc. Sư dựa vào Khuê Phong Sao để diễn bày vô lượng nghĩa, nhưng lấy làm tiếc vì cho rằng Khuê Phong học thiền. Sư chỉ trân trọng Hoa Nghiêm của Nguyên Công ở Bắc kinh nhưng rất tiếc vì Nguyên Công chẳng giảng. Sư nói:

“Giáo nêu tận ý Phật, người như Nguyên Công không nên chê giáo. Thiền không phải ý Phật, người như Khuê Phong chẳng nên học thiền. Nhưng ta không tin Đức Thế Tôn giáo ngoại biệt truyền cho Đại Ca-diếp.”

Từ đó Sư giải tán hội giảng đi về phương Nam, nói với đồng học:

- Ta sẽ đập tan hang ổ, diệt sạch dòng giống bọn mặt sát để báo đáp ân Phật mới thôi.

Đầu tiên, Sư đến chùa Hộ Quốc ở Tùy châu đọc văn bia của Thiền sư Tịnh Quả. Văn bia ghi:

“Tăng hỏi Báo Từ:

- Thế nào là Phật tánh?

Báo Từ đáp:

- Ai không có?

Tăng lại hỏi Tịnh Quả. Quả đáp:

- Ai có?

Vị tăng nhân đó tỉnh ngộ.”

Sư đọc xong, cười vang nói:

“Phật tánh còn dám nói có không, viện dẫn như vậy rồi nói nhân đó tỏ ngộ ư?”

Sư giận dữ phất tay áo đến Vô vi thiết phật yết kiến Thiền sư Nghĩa Hoài. Nghĩa Hoài tọa thiền nước mắt nước mũi chảy ướt cả y áo. Sư lấy làm lạ. Hoài lau nước mắt nước mũi hỏi Sư:

- Tọa chủ giảng Kinh gì?

Sư đáp:

- Hoa Nghiêm.

- Kinh ấy lấy gì làm tông?

- Lấy tâm làm tông.

- Tâm lấy gì làm tông?

Sư đáp không được. Nghĩa Hoài nói:

- Mấy may sai lệch đất trời xa vời.

Sư xét mình thấy có điều không phải bỗng nhiên kính phục Nghĩa Hoài vô cùng và nguyện ở lại đây tu học. Thời gian sau, Sư tỏ ngộ. Nghĩa Hoài vào đất Ngô, Sư cũng đi theo.

Sư mở hội xiển dương ở Tứ Diện đất Hoài. Ngoài việc cơm cháo qua ngày sư chưa từng nói điều gì. Sau sư đến Trường Lô, Tưởng Sơn, Thê hiền học chúng có đến ngàn người. Bấy giờ có Trưởng lão Toàn Tiêu đến và thăng tòa. Chúng chỉ đưa mắt nhìn và mỉm cười, chẳng ai đứng ra thưa hỏi. Khi ấy, Sư bước ra lễ bái và hỏi:

- Thế nào là người thật của Pháp Tú?

Toàn Tiêu cười nói:

- Tú mặt sắt mà không biết con người thật của mình ư?

Sư nói:

- Người trong cuộc mù mờ.

Cả chúng hội đều khâm phục chỗ liễu ngộ tâm pháp của Sư. Hội ấy Ký quốc Đại Trường công chúa vừa dựng xong chùa Pháp Vân. Vua có chiếu thỉnh sư làm Tổ khai sơn. Ngày khai đường, Thần Tông sai Trung sứ đem hương thơm, y Ma nạp đến cúng đồng thời truyền lại lời vua. Đủ thấy vua vô cùng kính trọng. Hoàng đệ Kinh vương đến cung nghinh dưới tòa, sĩ đại phu ngày ngày hỏi đạo.

Lúc đó Tư Mã Quang, Phương Đẳng Dung cho rằng pháp ta quá thịnh có ý muốn kinh doanh. Sư nói:

- Tướng công thông minh, hào kiệt hơn người, nếu chẳng nhờ Phật pháp thì làm gì được như vậy, thế mà nay ông muốn quên nguyện lực rồi chăng?

Từ đó họ không dám làm gì. Tháng tám năm Nguyên Hựu thứ năm, Sư nhuộm bệnh. Vua sai Ngự y đến xem. Ngự y xin xem mạch, Sư nhìn ngự y nói:

- Ông làm gì thế? Ta có bệnh ắt chết thôi. Nay chạy chữa cho khỏi là tham sống. Sống chết, mộng trong lúc bình sinh đâu thể chọn lựa được.

Nói xong, Sư khoát tay bảo Ngự y lui ra, rồi gọi thị giả vào thay áo. Sư ngồi ngay thẳng nói kệ và thị tịch. Thọ sáu mươi bốn tuổi, tăng lạp bốn mươi lăm hạ.

20. Thiên sư Thường Tông ở Đông Lâm:

Sư họ Thi, người Vuưu Khê, Kiến châu. Mẹ sư mộng thấy một người đàn ông dáng người cao ráo, sắc diện sáng chói, cầm ba cành phù dung trắng đưa cho bà, nhưng bà chỉ nắm được một cành, hai cành còn lại héo và rơi xuống đất. Tỉnh dậy bà biết mình mang thai. Sau bà sinh ba người con, hai đứa đầu không may mất sớm, Sư là đứa thứ ba. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia với Pháp sư Văn Triệu ở chùa Bảo Vân. tám năm sau, Sư thế phát và đến chùa Đại Trung ở Kiến châu thọ Cụ túc với Luật sư Khế Ân.

Đầu tiên, Sư đến Cát châu yết kiến Hòa Sơn Thiên Trí Tài Công. Tài là người nổi tiếng, giữ sư lại nhưng sư không ở. Nghe đạo phong của Thiên sư Nam Công nổi danh nên sư đến y chỉ với Quy Tông. Sư ở đây rất lâu, không khế hội nên đi tiếp. Quy Tông thị tịch, Nam Công về Thạch Môn nam tháp, Sư cũng đi theo. Đến khi Nam Công từ Thạch Môn về Hoàng bá, Tích Thúy về Hoàng Long sư đều có mặt. Trong khoảng hai mươi năm, Sư đến đi tất cả bảy lần. Nam Công khen sư là người chịu khó nhất trong chúng, Sư thâm nhận lời mật ký này, quyết chí trung hưng tông phong của Tế Bắc.

Hồng châu Thái thú Vinh Công sửa sang lại Lạc Đàm rồi thỉnh sư trụ trì. Có người cho sư là Mã Tổ tái lai. Hồi ấy tăng tục tranh nhau đến yết kiến sư. Nguyên Phong năm thứ ba, vua hạ chiếu đổi Đông Lâm Luật viện ở Giang châu thành thiền viện. Quán văn điện Học sĩ Vương Công Thiệu bỏ đi Nam Xương muốn mời Bảo Giác Tâm Công đi cùng. Tâm Công bèn tiến cử Sư đi thay mình. Sư biết đường xa cách xa hơn ngàn dặm, phát hịch văn đến các quận may ra họ biết trước để chuẩn bị. Hịch văn phát ra ở Tân cam thì thâm sơn cùng cốc ai nấy đều ứng lệnh. Họ bảo nhau:

“Viễn Công từng sấm ký: Ta diệt độ bảy trăm năm sẽ có nhục

thân Đại sĩ đến thay đổi đạo tràng của ta. Nay quả nhiên phù hợp”.

Tiếng tăm của sư lọt đến tai thiên tử. Thiên tử liền hạ chiếu thỉnh sư trụ ở Trí hải thiền viện trong chùa Tướng Quốc. Sư khăng khăng bảo mình người quê mùa già yếu không thể tuân mệnh. Thế nhưng các châu quận sai người đến thúc ép rất gấp, hơn nữa mọi người bảo nhau “Suối tuệ sắp cạn kiệt rồi”.

Chỉ trong hai tháng khi nhận được chiếu chỉ, vua đã ban tặng sư một y Tăng-già-lê màu tía và ban hiệu là Quang Tuệ. Người ta lại kháo nhau “Suối tuệ phun nước lại rồi”.

Năm Nguyên Hựu thứ ba, Từ Quốc Vương tâu xin, vua ban sư hiệu là Chiếu Giác Thiền Sư. Sư có duyên với tăng chúng, pháp hội của sư có đến bảy trăm người, đạo tràng hưng thịnh, những năm gần đây chưa có đạo tràng nào thịnh như thế này.

Tháng tám năm Nguyên Hựu thứ sáu, Sư nhuộm bệnh.

Ngày hai mươi lăm tháng chín, Sư tắm rửa xong ngồi ngay thẳng thị tịch.

Ngày tám tháng mười, tứ chúng thỉnh nhục thân sư an táng và dựng tháp ở phía Đông Nhạn môn. Sư thọ sáu mươi bảy tuổi, tăng lạp bốn mươi chín hạ.

21. Thiền sư Ngọc Tuyên Thừa Hạo:

Vô Tận Cư sĩ soạn bài minh trong tháp của Trưởng lão Ngọc Tuyên Thừa Hạo ở Kinh môn. Trong ấy đại lược ghi:

“Sư họ Vương, người ở trấn Sách Đầu, huyện Đan Lăng, My châu. Thiên thánh năm đầu, Sư xuất gia ở Đại lực viện với pháp danh là Thừa Hạo.

Minh Đạo năm thứ hai, Sư thế phát.

Cảnh Hựu năm đầu, Sư thọ Đại giới.

Khánh Lịch năm thứ hai, Sư du phương đến Phục châu yết kiến Thiền sư Bắc Tháp Tư Tịch, phát minh được tâm yếu, chứng đắc Du Hý Như Phong Đại Tự Tại Tam-muội. Sư từng lấy máu trên mũi trâu nghé viết danh hiệu của Lịch đại Tổ Sư rồi lạy mà nói:

“Chỉ có Văn-thù, Phổ Hiền mới sánh được với mấy người này”.

Có lần sư viết cả lên trên giải áo, từ đó tăng chúng đều gọi sư là Hạo Bố Côn.

Lúc này Tuệ Nam ở Hoàng Long lập ra ba câu then chốt để tiếp người, rất ít có ai khế cơ. Sư sai một vị Tăng đến. Tuệ Nam hỏi vị Tăng:

- Tay ta đâu giống tay Phật.

Tăng đáp:

- Không giống.

- Chân ta đâu giống chân lừa.

- Đúng là không giống.

Tuệ Nam cười nói:

- Đây không phải là lời của ông, ai dạy ông đến đây?

Tăng kể thật mọi chuyện. Tuệ Nam nói:

- Xưa nay ta đã nghi gã này rồi.

Trong niên hiệu Hy Ninh, Sư đến Tương Dương làm thủ tòa cho Cốc Ẩn. Có vị Tăng đất Thục đến pháp hội sư, Sư rất mến mộ vị này. Tuy nhỏ tuổi nhưng có chí, nên sư thường chỉ dạy nâng đỡ. Vị Tăng bắt chước Sư cũng lấy máu mũi trâu nghé viết trên giải áo rồi đem phơi. Sư thấy liền hỏi:

- Áo ta tại sao lại ở đây?

Tăng đáp:

- Đây là áo của con.

- Ông có đạo lý gì mà dám làm như vậy?

Tăng lễ bái nói:

- Chỉ mong thầy hứa khả vì con quá mến mộ.

Sư nói:

- Đây đâu phải là chuyện đùa, nửa năm nữa ông sẽ thổ huyết mà chết.

Nửa năm sau, quả nhiên tăng bị thổ huyết mà chết ở Lộc môn sơn. Ai nấy đều rất lấy làm lạ.

Tháng tư, năm Nguyên Phong thứ hai, tôi phụng sứ đi Tây Nam hành sự. Nghe danh sư liền đến yết kiến. Tôi hỏi:

- Thầy nổi pháp của ai?

Sư đáp:

- Bắc Thập.

- Bắc Thập có câu gì không?

- Ngặt nổi ông ấy chẳng chịu nói với người khác.

Thế rồi tôi thỉnh sư trụ ở Đại Dương, Trình châu. Cốc Ẩn vui mừng nói:

- Thủ tòa của ta đã xuất thế.

Nói xong Cốc Ẩn nhóm họp tăng, tục thỉnh sư thăng tòa để mọi người nở mày nở mặt. Sư nói:

- Thừa Hạo ở Cốc Ẩn mười năm chưa từng uống của Cốc Ẩn một

giọt nước, ăn của Cốc Ẩn một hạt cơm. Nếu ông chưa từng đến Đại dương thì ta nói cho ông nghe.

Nói xong, Sư xách trụ trượng xuống tòa đi thẳng. Ở được vài tháng, kinh nam Lý Công Thẩm Ngôn, Chuyển vận sứ Tôn Công Cảnh Tu cùng thỉnh sư trụ ở Cảnh Đức thiền viện trong Ngọc Tuyên, Đường Dương. Cơ phong của sư chót vót, người học không hội nhập được. Trong pháp hội thiếu chức Thủ tòa, Duy na nói:

- Người nào từng làm tăng ở đây, hãy vì chỗ quy hướng cho chúng tăng, cứ theo thể thức các nơi mà thỉnh.

Sư nạt:

- Bày đặt! Bày đặt! Mạnh bát lang, Mạnh bát lang!

Một hôm sư đi ngang qua nhà bếp, thấy chúng đang làm bún ăn chiều. Sư hỏi:

- Có khách à?

- Cơm chiều cho tăng chúng.

Sư gọi tri sự đến và nói:

- Xưa ta tham thiền, gánh nước già gạo cho người, nay mới được thành gạo làm bún nấu nướng để cúng dường chư Phật, Bồ-tát, La hán. Nào ngờ các ông ăn uống no rồi chẳng chịu để tâm tham học, nghĩ tưởng ra trăm thứ, năm vị thơm lừng. Giả sử có nấu ra nào là ruột lửa, xương dê, can ba ba cùng tám mươi bốn ngàn loài trùng khác thì mở mắt chạy theo cảnh, nhắm mắt chạy theo mộng mà không biết chủ lực phán quan, lược thừa Diêm quan đang theo dõi ông để ghi chép tội lỗi da xẻ thịt của ông trong sổ bộ, bắt ông phải chịu khổ ngay đây.

Bấy giờ đồ chúng không chịu nổi kham khổ nên gièm pha sư với huyện lệnh. Họ nói:

- Trưởng lão không có khả năng nắm chúng, từ trên xuống dưới kiểm thúc quá gắt gao.

Huyện lệnh triệu sư đến huyện đường, trách:

- Đại Thiện tri thức không chịu ngồi yên trong phương trượng, môn hạ ở Đông lang Tây lang đến đi bao nhiêu người?

Sư đáp:

- Đại Thông Trí Thắng Phật mười kiếp ngồi đạo tràng, Phật pháp chẳng hiện ra chẳng thành tựu Phật đạo. Ngài cho rằng ngồi là Phật ư? Hay ngồi là giết Phật?

Quan huyện mờ mịt càng tôn kính sư.

Con chó đang ở trong thất, có vị Tăng vào thưa hỏi. Sư nạt một tiếng con chó chạy ra ngoài. Sư nói:

- Con chó hiểu mà ông thì lại chẳng hiểu.

Mùa đông, chợ Ngọc Tuyền vô cùng đông đúc, dân chúng bốn phương đều đổ về đây. Sư vẽ một vòng tròn trên vách hành lang, nhìn mọi người rồi nói:

- Bán rẻ, bán rẻ!

Lát sau, Sư chùi vòng tròn nói:

- Tự mua đi! Tự mua đi.

Ngày đông chí, Sư thượng đường nói:

- Ngày qua tháng lại vẫn áo quần dơ dáy, chớ cười là ta không giặt, chỉ là không có người đến thay thôi.

Vương Đại Quán đến Kinh nam, hỏi Sư:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Chặt gót chân!

Hỏi tiếp:

- Thế nào là Pháp?

- Nhấc đầu lên!

Sư có tướng đỉnh đầu cao, từng làm bài tán rằng:

Cháo ít ngồi sau

Giường hẹp nằm trước

Tai điếc ưa tiếng to

Mắt mờ thích chữ lớn.

Những lời ứng cơ đối đáp của sư ẩn hiển khó lường, đại loại đều như vậy.

Chùa Ngọc Tuyền rộng lớn nhưng rất bề bộn, các đời trụ trì trước đây đều cho rất khó trùng tu, xây dựng. Sư nói:

- Ta có duyên với núi mà không có duyên với tảng. Sửa chùa đời nay cho tảng chúng đời sau vậy.

Thế rồi sư phá bỏ pháp đường, phương trượng, tảng xá, lầu chuông, đài Di-lặc, miếu Quan Thánh và xây dựng mới lại, rồi nhờ tôi ghi lại toàn bộ sự việc này. Sư ở núi không dùng đến bút nghiên giấy mực, trong rương không có áo kếp, chẳng có túi tiền.

Năm Nguyên Hựu thứ sáu, Sư sai người đến Giang Tây thưa:

“Già bệnh và chết, được Bá Trượng Túc thay thế thì tốt lắm rồi”.

Tôi nghĩ sư có ý mời Túc nhưng Túc chẳng về.

Ngày hai mươi tám tháng mười hai, Sư thị tịch. Trước khi mất đồ chúng ép Sư nói kệ. Sư cười nói:

*Ta tám mươi mốt tuổi
 Bệnh chết khiêng thầy đi
 Trai tráng cùng gắng sức
 Ba trăm sáu mươi ngày.*

Lúc sư thị tịch, đất chấn động ba lần. Lúc ấy tôi vận tải quân lương đi Hoài Tây, lại có chiếu phải về làm Giám quan ở Kim Lăng nên không rõ việc sư mất.

Tháng mười năm này, tôi nhận được chiếu đi Hồng châu, đi đến Thái Bình bỗng Đức Hồng đến gặp, khóc nói với tôi:

“Thầy đã tịch rồi”.

Đức Hồng về Mân Trung, nhận được tin báo liền chạy đến Ngọc tuyên thì sư đã được an táng dưới chân Đẩu sơn rồi. Đức Hồng dựng tháp ở Thử Tự tự tưởng niệm tên sư, thần giao đạo khế chưa có ai như ông ấy. Bởi vậy dù xa ngàn dặm nhưng tôi vẫn đến ông ấy xin mấy lời để viết bài minh trên tháp. Tôi mẩn mộ vì Hồng không quên thầy mình, bèn truy tìm hết ngọn ngành rồi viết bài minh” (lược bớt phần văn bài minh).

22. Pháp sư Biện Tài Nguyên Tịnh:

Sư họ Từ, tự là Vô Tướng, người Ô Tiềm, Hàng châu. Có người khách đi ngang nhà sư nói:

“Nhà có khí lành xông lên, ắt sẽ sinh nam tử tuấn kiệt”.

Lúc chào đời trên cánh tay trái của sư nổi lên những đường gân giống như đường ngang đường dọc của y ca-sa, tám mươi mốt ngày sau thì lặn hết. Ông nội của sư thấy lạ nói: “Sa-môn kiếp trước ắt phải để nó theo Phật, tám mươi mốt lẽ đầu là tuổi thọ chẳng?”

Đến lúc sư thị tịch quả nhiên ứng hợp với con số này.

Năm mười tuổi, Sư xuất gia, mỗi lần thấy giảng tòa sư liền nói:

“Con nguyện lên tòa này thuyết pháp độ người”.

Năm mười hai tuổi sư theo học với Từ Vân, không đầy mấy năm đã đứng đầu học chúng. Sau sư nghe Đại sư Minh Trí giảng Phương Tiện Ngũ Duyên trong Chỉ quán rằng:

“Tịnh Danh nói:- Đem một bữa ăn cúng thí cho tất cả. Trước cúng dường chư Phật và chư hiền thánh, sau đó mới ăn. Đây là phương tiện thứ nhất”.

Sư hốt nhiên tỏ ngộ nói:- Ngày nay ta mới biết sắc, thanh, hương, vị, xúc vốn đầy đủ Đệ nhất nghĩa đế.

Nói rồi sư khóc thảm thiết. Từ đó sư nhận chân được thật tướng

các pháp, thay Minh Trí giảng thuyết suốt mười lăm năm.

Thái thú Hàng châu là Lã Trăn thỉnh sư trụ ở Đại bi các, Sư lập ra giới luật nghiêm khắc, đồ chúng rất sợ nhưng rất quý mến sư. Do Trăn tâu xin và sư được vua ban cho Tử y và hiệu là Biện Tài.

Năm Gia Hựu thứ bảy, Hàn lâm Thẩm Cấu đi phủ dụ Hàng châu, nói: Thượng Trúc vốn là đạo tràng Quán Âm, dân chúng ở đây niệm Phật, không phải thiền viện, rồi thỉnh sư trụ trì ở đây (năm này đổi thiền viện thành giáo viện). Sư phá núi, xây tăng xá, nhóm họp học chúng. Đạo tràng của sư rất thịnh nổi tiếng khắp Triết giang.

Đời Thần Tông, năm Hy Ninh thứ ba, Thái thú Hàng châu Tổ Vô Trạch bị cầm tù ở Túy Lý. Sư đúc chuông cầu nguyện giải nạn, rất may Trạch được tha, Sư đưa Trạch về ở Chân Như lan nhã. Sư lập ra yếu chỉ, đặt ra vấn đáp, thuật lại sự lý viên dung, phát minh ý chỉ sâu xa trong ý Tổ.

Niên hiệu Nguyên Phong năm đầu, có người trong sơn môn được triều đình hậu đãi, nhân đó ý quyền cậy thế đoạt luôn đạo tràng. Từ đó chúng cũng tan rã. Mấy năm sau triều đình biết được, từ đó giao quyền trụ trì lại cho Sư. Sư tập hợp đồ chúng trở lại.

Thanh Hiếu Triệu Công là người kết giao với sư, ông ấy từng làm bài tán tặng Sư:

*Sư bỏ Thiên Trúc
Núi vắng quỷ khóc
Sư về Thiên Trúc
Đạo tràng thịnh lại.*

Tô Đông Pha cũng gửi thơ tặng Sư:

*Đạo nhân bỏ núi đi
Núi rừng nhuộm tang tóc
Mây trắng chẳng buồn trôi
Tùng xanh cũng sầu thảm
Chợt nghe đạo nhân về
Chim muông ca rộn núi.*

Ba năm sau, Sư từ già đi, đến trụ ở Long Tĩnh, Nam sơn. Quan dân tranh nhau đến dựng thất, từ đó nơi đây trở thành Già lam.

Năm thứ sáu, Thái thú Đặng Bá Ôn thỉnh sư trụ ở Nam bình. Năm sau sư về lại Long Tĩnh. Hồi ấy pháp tịnh ở Linh sơn bỏ không, Sư cung thỉnh chúng tăng trụ trì đạo tràng của sư tổ Từ Vân. Hơn tháng sau, trong định sư thấy một vị thần mặc áo giáp vàng quỳ trước sư nói:

- Sư không duyên nơi này, không nên ở đây lâu!

Nghe vậy, Sư về lại Long Tĩnh.

Năm Nguyên Hựu thứ tư, Tô Thức nhậm chức ở đất Hàng. Thức hỏi Sư:

- Trong núi này những người đạo hạnh như sư được mấy người?

Sư đáp:

- Sa-môn có nhiều mặt hạnh đâu thể biết hết được.

Lúc sắp tịch, Sư vào phương trượng ngồi kiết già, từ giả tân khách, không nói năng ăn uống gì. Sau gọi trưởng liêu đến và nói:

- Tịnh nghiệp của ta sắp xong, nếu bảy ngày nữa không có trở ngại gì thì nguyện của ta thành tựu.

Bảy ngày sau, Sư nói kệ dặn chúng rồi nằm nghiêng bên phải thị tịch. Hôm ấy nhằm ngày ba mươi tháng chín năm Nguyên Hựu thứ sáu. Dựng tháp xong Đông Pha mời Tử Do viết bài minh.

23. Thiên sư Đạo Trăn Tịnh Nhân:

Sư họ Đới, tự là Bá Trường, người Cổ Điền, Phước châu. Từ nhỏ sư đã không ăn mặn, mười bốn tuổi sư đến Thượng Sinh viện tập tu khổ hạnh. Sáu năm sau sư thọ Đại giới. Sư xem luận Đại thừa, Tiểu thừa, bất giác để xuống nói: “Đây chỉ là những lời giảng nói về phương tiện mà thôi”.

Thế rồi sư ôm bát vân du đến Giang Hoài, tham vấn rất nhiều Thiện tri thức và lãnh hội yếu chỉ với Phù Sơn Viễn Công. Pháp tịch của Thừa Thiên ở Giang châu bỏ không khiến cho sư rất buồn. Sư đến Đan Dương ở tại Nhân thánh viện. Một hôm đi trên bờ sông tìm thuyền, Sư tính thầm “Phải đến nơi mà hợp duyên với ta thôi”. Sư hỏi người chèo thuyền:

- Cho tôi đi Cang Vĩ được không?

Người chèo thuyền cười nói:

- Thầy muốn đi đâu, tôi vào Biện cang đây.

Sư đáp:

- Tôi đến Kinh sư.

Người chèo thuyền chở sư về phía Bắc.

Sư yết kiến Tịnh Nhân Đại Giác Liên Công, Liên Công sai sư làm Thủ tòa. Đến khi Liên Công về đất Ngô, chúng tăng thỉnh sư kế vị. Ngày khai pháp Anh Tông sai Trung sứ đem hương thơm, Tử y đến cúng dường. Tăng, tục bốn phương đều đổ về kinh sư, quan lại kẻ giàu ngày nào cũng chặt cửa. Ngày đó, Sư đi Từ thánh thượng tiên, Thần Tông thỉnh sư vào Khánh thọ cung ứng đối. Vua rất hài lòng, bèn lập giảng

tòa để người người cùng vào thưa hỏi. Ai nấy đều khen, người như sư quả thật hiếm thấy, họ tán thưởng ngợi khen âm thanh vang rền cung điện. Vua ban thưởng cho sư rất hậu. Thần Tông bùi ngùi vì Phật pháp suy vi, danh tướng bị mai một nên cho xây dựng hai ngôi chùa Tuệ Lâm và Trí Hải rồi giao cho sư việc tuyển lựa tăng chúng. Những bậc lão túc nghe danh tiếng Sư đều tìm đến cầu học. Thần Tông thỉnh sư vào Phước Ninh điện thuyết pháp, vua nghĩ sư là người đức hạnh trong sạch hiếm thấy, nhân đó vua ban cho sư hiệu là Tịnh Chiếu Thiền sư.

Ngày mười bảy tháng tám năm Nguyên Hựu thứ tám, Sư nói trước với Tịnh Viên:

- Ba ngày nữa ta đi!

Ba ngày sau, Sư tắm rửa thay áo, nói kệ xong, kiết già thị tịch, thọ tám mươi tuổi, tăng lạp sáu mươi mốt hạ.

Sư bẩm tánh nhân từ, khiêm cung, thường tỏ ra mình là người không giỏi ăn nói. Ở phía Tây đô thành, học trò đến bốn mươi người, ba mươi năm sư chưa từng ra khỏi cửa. Sư sống rất giản dị, hai mươi năm chỉ mặc một bộ đồ, chỉ dùng vải tang quấn chân, không dùng vải dày. Sư nói:

- Chỉ phung phí mà thôi không phải là điều ta ham muốn.

Thế rồi sư lau sạch vách phía Tây của phương trượng, mời Văn Tự Khả vẽ lên đó một cây trúc. Sư nói với Dự Khả:

- Tôi muốn người ta thấy cây trúc này thì lòng sáng sạch, như vậy ông đã thay ta nói pháp rồi đó.

Một lần sư thuyết pháp trong cung Khánh Thọ, có tăng hỏi:

- Từ Thánh, tiên đạo chơi trong định rốt cuộc về đâu?

Sư đáp:

Nước chảy vốn trong biển

Trăng lặn chẳng lìa trời.

Vua nghe vô cùng hoan hỷ, càng kính trọng sư hơn. Hoàng Lão có bài tán trong bức chân dung của sư rằng:

Hổ kia không tuổi

Rồng nằm chẳng ca

Rừng khuya trăng lặn

Sáu phương mây mù

Núi xa làm rạn hồng gương mặt

Đi về chẳng hẹn với gió xuân

Ba mươi lăm năm miệt mài giảng thuyết

Đường Đông rộng mở lối Tây sang.

Giáp Tuất: Đổi niên hiệu Thiệu Thánh.

Ất Hợi: Liều đổi niên hiệu Thọ Xương, chúa Hồng Cơ được gia hiệu là Thánh Văn Thần Võ Toàn Công Đại Lược Thông Nhân Hiếu Tuệ Thiên Hựu Hoàng Đế.

24. Thiên sư Trí Hải Mộ Triết: (Ất Hợi)

Sư họ Văn, người Lâm xuyên. Họ Văn nghèo, Sư từ nhỏ lại mồ côi nên đã sớm theo Luật sư Vĩnh An Viên Giác ở Kiến Xương làm đồng tử, nhờ thi Luật mà được độ làm tăng. Con người sư giản dị, cương quyết, học thức cao xa, lấy thiền pháp làm sự nghiệp, bản thân nghiêm trì giới luật. Lúc Thiên sư Thúy Nham du phương sư đã biết Thúy Nham. Thúy Nham mến mộ sư vì sở trường sư hơn người. Người ta gọi sư là người tâm phúc của Thúy Nham. Thúy Nham đến đâu thường phạm quy củ, chúng tăng giận nhưng sư không chê cười. Sư cùng Thúy Nham vân du suốt hai mươi năm, dù ở chung nhưng sư chưa từng thất lễ. Thúy Nham trụ trì hai chùa, Sư âm thầm trợ giúp trở thành pháp tịch. Những người đến cầu học, Thúy Nham bảo họ đến yết kiến thị giả Triết rồi nói với mọi người:

- Ba mươi năm sau, Triết sẽ làm nên Phật sự lớn.

Thúy Nham tịch, Sư dựng tháp ở Tây Sơn, để tâm tang ba năm rồi đi. Sư theo Hoàng Bá vân du đến Tương Trung. Sư một y một bát vân du khắp nơi, đi ở đều làm mẫu mực cho tông lâm. Tạ Sư Trực làm Thái thú ở Đàm châu nghe danh sư rất vui mừng nhưng không đến được. Pháp tịch ở chân núi Cối Nhac bỏ không, Trực hết lòng cầu thỉnh sư làm chủ pháp tịch. Mấy tháng sau, đột nhiên sư qua Đại Quy, chúng đến ngàn người không người quản lý ai nấy tự tu học. Cơm chiều xong cho đệ tử vào hỏi đạo, gọi đây là vào thất. Cơm trưa xong thì nhóm hết chúng uống trà. Các nơi mỗi tháng giảng một kỳ, còn sư giảng không ngày nào nghỉ. Ngoài giờ tham thiền, Sư tự chấp lao phục dịch, khiến người ra lệnh ở bên cạnh mà như người qua đường. Sớm đốt hương, chiều đốt đèn, cứ thế sư làm trong mười bốn năm. Ban đêm sư lạy Phật, giữ thất trông coi việc đèn lửa, lúc mệt thì trải áo choàng đầu gối cỏ khô ngủ tạm ở Tam thánh đường. Ban đầu sư cón tắm, về già cả mười năm sư chẳng tắm rửa.

Thiện Thánh năm đầu, vua hạ chiếu thỉnh sư trụ ở Trí Hải thiền viện trong chùa Đại Tướng Quốc. Sĩ đại phu trong kinh sư mong muốn gặp một người phong cách cao vời, tông lâm cho sư là người thích yên tĩnh sợ ồn ào nên không dám kéo nhau tới. Sư nhận chiếu vui vẻ dẫn

tăng đến thiền viện. Ngày mới đến, cả Kinh sư đều kéo tới xem, đến nỗi có người nói như Phật xuất thế. Viện thì hẹp mà tăng ngày càng đông, không đủ chỗ ngủ thì sư cùng chúng ngủ dưới đất. Có người bảo đừng nhận nữa. Sư nói:

- Tăng, Phật, Tổ từ đây mà ra; ngán Tăng, Phật, Tổ lẽ đâu có người truyền pháp mà lại ngán Phật, Tổ chẳng. Sao ông lại nói điều chẳng lành như thế?

Hễ nghiệm người, Sư đều cử việc rửa bát của Triệu Châu, rồi hỏi:

- Thượng nhân hiểu thế nào?

Tăng định đáp thì sư bịt miệng tăng và nói:

- Thôi đi!

Từ đầu đến cuối sư chẳng hề thay đổi cơ phong. Ngày tám tháng mười năm sau, Sư không bệnh và thị tịch.

25. Thiền sư Vân Cư Nguyên Hựu:

Sư họ Vương, người Thượng Nhiêu, Tín châu. Năm mười ba tuổi, Sư theo Bát Sơn Thừa Thiên Sa-môn Tề Thạnh xuất gia. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư thọ Đại giới. Lúc này Nam Công Thiền sư ở tại Hoàng bá. Sư đến y chỉ. Hơn mười năm, tài trí của sư đứng đầu học chúng, chúng không vui nhưng sư cũng chẳng buồn. Nam Công thị tịch, Sư vân du đến tương trung, dựng am ở nền cũ của Mã tổ trên Hành nhạc. Tăng chúng khắp nơi tìm đến, thanh danh sư chấn động cả Kinh, Sở. Tạ Sư Trực làm Thái thú Đàm châu. Muốn Luật học được hoằng truyền nơi rừng thiền đạo lâm, nên hết lòng thỉnh cầu sư làm đời thứ nhất. Sư vui vẻ nhận lời đến ngay. Sư đến, tăng, tục khắp thâm sơn cùng cốc ở đạo lâm đều kéo đến quy tụ, dựng tượng vô số, đạo tràng nổi tiếng khắp Tương Tây. Sư xây dựng đạo tràng lập ra Hư đường, Thiền đường để dung nạp người học bốn phương. Dân phu không dám đập tượng, Sư cày hết đem vát ra sông và nói:

- Xưa vốn không thành, nay lẽ đâu có hư hoại chẳng? Pháp ta lẽ nào không còn phàm tình chỉ còn thánh giải chẳng? năm thứ sáu, điện đài lâu các hoàn thành. Sư bỏ đi, vân du đến Lô sơn. Nam khương Thái thú Lục Công thỉnh sư ở chùa Ngọc Giản. Từ Vương nghe danh sư liền tâu vua, xin vua ban Tử y cho Sư. Sư làm kệ từ chối:

*Tăng sáu mươi năm nay sắp già
Chẳng lợi không môn luống xuất gia
Chỉ xin Lễ bộ cấp độ điệp*

Không phụ bản tăng nhận ca-sa.

Có người hỏi nguyên do, Sư đáp:

- Ân của nhân chủ, vật của Vương tôn chẳng dám chối từ nhưng đó chỉ là tiếng gân, chưa thể ngang bằng với thanh danh đạo pháp.

Wương An Thượng là em của Thư Vương hỏi đạo với sư và thỉnh sư ở Vân Cư. Sư nói:

- Đây chỉ vì muốn đem xương cốt này về an táng ở đỉnh núi mà thôi.

Nói rồi sư lên xe đi.

Sư không ưa tăng chúng các nơi mỗi người chết đều xây tháp. Sư nói:

- Núi sông có hạn, tăng chết thì vô cùng, ngày sau chắc không còn chỗ xây tháp.

Thế rồi sư mở núi xây dựng một tòa tháp ở phía Đông tháp Hoàng Giác và nói:

- Những người trụ trì để cho nhục thân không hoại, để xá-lợi không bị nắng mưa thì đặt hài cốt ở đây.

Phía Tây sư lại xây một tòa tháp và nói:

- Chư tăng tịch thì để hài cốt nơi này.

Đây gọi là Tam tháp.

Ngày bảy tháng bảy năm Thiệu Thánh thứ hai, ban đêm sư nhóm chúng nói kệ và thị tịch, thọ sáu mươi sáu tuổi, tăng lạp bốn mươi hai hạ.

Mộ dân: Đối niên hiệu là Nguyên Phù. Tây Hạ đối niên hiệu là Vĩnh An.

26. Thiên sư Phật Ấn Liễu Nguyên:

Sư họ Lâm, tự là Giác Lão, người Phù Lương, Nhiêu châu. Gia thế theo nghiệp Nho, ông nội và cha sư đều không làm quan. Năm hai tuổi, Sư đã ê a tụng Luận ngữ và thi của Bách gia. Lên năm tuổi sư đã tụng được ba ngàn bài. Lớn lên sư theo thầy học Ngũ kinh, tinh thông đại nghĩa. Nhân đọc kinh Thủ-lăng-nghiêm tại chùa Trúc Lâm, Sư thích nghĩa lý kinh này và bỏ sạch những gì đã học. Sư xin phép cha mẹ xuất gia để thoát sinh tử. Sư xuất gia với Sa-môn Nhật Dụng chùa Bảo Tích. Nhờ thi Pháp Hoa mà được thọ Cụ túc. Sư vân du đến Lô sơn yết kiến Khai Tiên Thiệm Xiêm. Xiêm tự phụ cho mình là người từng trải, dẫn dắt hậu học. Sư vấn đáp với Xiêm liền khuất phục Xiêm ngay. Xiêm hết lời khen ngợi sư, lúc đó sư mới mười chín tuổi. Sư lại yết kiến Viên

Thông Cư Nột. Nột nói:

- Cốt cách giống như Tuyết Đậu, quả là hậu lai kiệt xuất.

Lúc này Đại sư Hoài Liên mới nhận chiếu vua, Cư Nột liền cho Sư vào thế chức thư ký của Hoài Liên. Pháp tịch của Thừa Thiên ở Giang châu bỏ không, Cư Nột muốn đưa sư đến chủ trì, quận thú có ý chê sư còn trẻ, Cư Nột nói:

- Liễu Nguyên tuổi tuy nhỏ nhưng có đức cao, dù muôn lão túc cũng không thể bắt bẻ được ông ấy.

Thế rồi sư làm người nối pháp của Khai Tiên, lúc này sư mới hai mươi tám tuổi. Sư từ Thừa Thiên dời qua Đẩu Phương đất Hoài, từ Lô sơn đến Khai Tiên Quy Tông, từ đất Giản đi Kim sơn tiêu sơn, từ Giang Tây qua Đại Ngưỡng, sau trụ ở Vân cư. Trong bốn mươi năm ấy sư dùng đức giáo hóa tăng, tục. Quan lại hiền sĩ kết giao với sư rất nhiều. Lúc này Đông Pha bị đày đến Hoàng châu đối diện với Lô sơn, Sư ở tại Quy Tông có làm thi phú thù tạc với ông, vui thú với núi rừng, sau đó sư về Kim sơn. Đông Pha được tha lúc về Đông Ngô ngang qua Đan Dương có gửi thư cho sư nói:

- Không cần xuống núi đón, hãy học cách tiếp người thượng đẳng của Triệu Châu.

Sư nhận thư liền đi đón. Đông Pha gặp sư, cười hỏi, Sư dùng kệ đáp

*Triệu Châu ngày ấy thiếu khiêm nhường
Chẳng rời pháp hội gặp Triệu Vương
Đâu giống Kim Sơn vô lượng tướng
Đại thiên đều chỉ một chiếc giường.*

Đông Pha vỗ tay khen hay, Sư có lần nói với chúng:

- Xưa Vân Môn thuyết pháp như mây như mưa nhưng không hề thích khi có người ghi lại lời mình. Hễ thấy ông ấy chửi đuổi đi và nói: “Có miệng sao không nói, trái lại ghi chép lời ta rồi ngày sau buôn bán ta”. Nay trong thất đối cơ ghi lại đều giống Hương Lâm Minh Giáo lấy giấy làm y, nghe được gì ghi hết lại thì người học đời sau có những kẻ tìm tòi văn tự ngữ ngôn, đó chẳng khác thổi vào lưới mà muốn cho đầy. Như vậy không phải ngu thì cũng cuồng.

Thời ấy tông lâm ở Triết giang vẫn còn cho văn tự là thiên và gọi đó là thư hỏi. Bởi vậy sư lấy đó chấn chỉnh môn nhân.

Tăng thống Nghĩa Thiên người Cao Ly vượt biển đến Minh châu. Truyện ghi:

“Ngài bỏ ngôi vua xuất gia, dâng biểu xin đi khắp tông lâm để hỏi

đạo học pháp. Vua có chiếu cho Dương Kiệt Thứ Công đến hội quán kết giao. Những chùa chiền ở đất Ngô mà ngài đi qua, họ đều tiếp đãi ngài tử tế, dùng lễ như vua tôi. Khi đến Kim sơn, Liễu Nguyên vẫn ngồi nhận lễ, Thứ Công thất kinh hỏi nguyên do. Liễu Nguyên đáp:

- Nghĩa Thiên là tăng nước ngoài, tăng đến tông lâm quy củ vẫn giữ nguyên, đâu thể thay đổi.

Muôn họ xuất gia đều được gọi là Thích tử, đâu phải mua quyền cao chức trọng thì hỏi quý tánh làm gì! Thứ Công nói:

- Thấp nhỏ phải theo thời nên cầu tăng nơi khác, lẽ đâu cũng là ý của Giác Lão chẳng?

Sư đáp:

- Không phải! Nhún mình theo thói tục thì các nơi còn xem ta ra gì, như vậy làm sao nêu rõ phép tắc của Hoa Hạ ta.

Triều đình nghe được đều cho sư là người biết lễ.

Lúc này Lý Công Bá vẽ chân dung cho Sư. Sư nói:

- Ông phải vẽ hình ta cười. Rồi sư làm bài tán rằng:

*Lý Công Kỳ lân đá trên mây
Truyền được Vân Cư đạo thật này
Chẳng phải niêm hoa rõ việc lớn
An nhàn mở miệng cười ai đây
Nằm dưới vũng bùn trâu ngửi gió
Cây khô trong tuyết dễ tươi ngay
Rành rành trước mắt nhưng chẳng biết
Thân gặp thái ninh tự tại thay!*

Niên hiệu Nguyên Phù năm đầu ngày bốn tháng giêng, nghe khách nói có người ngộ được tâm mình. Sư khoan thai cười một tiếng rồi thị tịch. Sư sai người vẽ mình cười không phải chuyện ngẫu nhiên. Sư thọ sáu bảy tuổi, tăng lập năm mươi hai hạ.

27. Thiên sư Viên Chiếu Tông Bản:

Sư họ Quán, húy là Tông Bản, người Vô Tích, Thường châu. Sư dung mạo uy nghiêm, nói năng lưu loát. Năm mười chín tuổi sư theo Thiên sư Vĩnh An Đạo Thăng ở Thừa Thiên Tô châu làm công quả. Đạo Thăng là người rất được tăng chúng trọng vọng, người học quy tụ với ngài đông vô kể. Sư thường mặc đồ xấu rách, mặt mũi lem nhem, suốt ngày gánh nước giặt gạo nấu cơm phục vụ cho chúng, ban đêm thì vào thất tham thiền. Đạo Thăng có lần hỏi Sư:

- Khổ công khổ hạnh phục vụ chúng tăng có lao nhọc không?

Sư đáp:

- Nếu bỏ một pháp thì không gọi là đầy đủ được, Bồ-tát thật sự mong muốn thân chứng ngay đời này, lẽ đâu dám cho là lao nhọc?

Đạo Thăng ngậm hứa khả. Mười năm sau sư thế phát thọ Cụ túc, chuyên tâm phục vụ tăng chúng ba năm nữa, rồi sư từ giả nơi đây, vân du hỏi đạo khắp nơi. Sư đến Trì Dương Cảnh Đức yết kiến Thiên sư Thiên Y Nghĩa Hoài. Ngay nơi vấn đáp sư khế ngộ nhưng trong chúng không ai biết.

Có lần Sư làm thị giả nhưng cứ ưa ngủ, nằm ngáy khò khò, có người thấy liền mách với Nghĩa Hoài. Nghĩa Hoài cười nói:

- Ông ấy là người tinh tấn nhất trong nhà ta, ngày sau các ông phải nường tựa ông ta, chớ nói nhiều!

Đại chúng thất kinh. Sư lui về ở tại Thọ Thánh, Ngô Giang. Bộ sư Lý Phục Khuê đem nọ đến nói với sư Nghĩa Hoài:

- Pháp tịch của Thụy Quang bỏ không, xin thầy cho tăng đến chủ trì.

Nghĩa Hoài chỉ sư nói:

- Không còn ai hơn đạo nhân này.

Sư đến đạo tràng nhóm chúng đánh trống, trống rơi xuống đất lăn tròn phát ra âm thanh, đại chúng thất kinh lùi lại. Bỗng có một vị Tăng bước ra nói lớn:

- Đó là điềm đạo pháp của Hòa thượng chấn động đại địa.

Nói xong, vị Tăng ấy biến đâu mất. Từ đó pháp tịch của sư ngày càng hưng thịnh. Thái thú Vũ Lâm là Trần Tương thỉnh sư trụ trì một trong hai ngôi chùa Thừa Thiên và Hưng Giáo tùy sư chọn lựa, dân chúng Tô châu ai nấy đều ngăn không để sư đi. Tương lại thỉnh sư trụ trì chùa Tịnh Từ đồng thời sai người đem thư đến bảo dụ tăng, tặc rằng:

“Chỉ mượn thầy ba năm để trông phước cho xứ này, chứ không dám giữ lâu”.

Sư chúm chím cười nói:

- Ai lại không muốn làm phước.

Chúng hiểu ý sư và để sư đi.

Năm Nguyên Phong thứ năm, Thần Tông Hoàng đế cho xây cất thêm sáu mươi bốn viện trong chùa Tướng Quốc, phân làm tám khu, hai khu dành cho Thiên, sáu khu dành cho luật. Trung úy Lương Tùng Chánh đảm trách việc này. Vua hạ chiếu mời sư trụ trì chùa Tuệ Lâm. Sư đến vua sai sứ tới thăm hỏi. Ba ngày sau, Vua truyền chiếu chỉ thỉnh sư ra trước chùa thuyết pháp cho quan dân. Hôm sau, vua thỉnh sư vào

điện Diên Hòa hỏi đạo. Vua mời ngồi, Sư khoanh chân ngồi kiết già; vua mời trà, Sư uống từng ngụm dài thản nhiên như không. Vua hỏi:

- Thầy xuất gia chùa nào?

Sư đáp:

- Vĩnh An Thừa Thiên.

Vua rất thích tính tình thẳng thắn của Sư, liền ban chỉ dụ thỉnh sư trung hưng thiền tông, dẫn dắt hậu học. Lúc ra về, vua nhìn theo sư và nói với tả hữu:

- Quả thật là vị Tăng đủ cả phước tuệ.

Triết Tông lên ngôi, liền thỉnh sư vào điện Phước Ninh thuyết pháp. Do sư là người được tiên đế kính trọng nên Triết Tông gặp sư không ngăn nổi xúc động. Sư lấy cớ già yếu xin về núi. Vua đồng ý để sư tự tại vân du, tất cả chùa viện không ai được ép sư trụ trì. Sư thăng tòa từ biệt chúng nói:

Vốn là khách không nhà

Nay tự tại vân du

Thuận buồm khua mái đẩy

Thuyền đến thẳng Dương châu.

Lúc ra khỏi thành đô, vương công đại thần đưa tiễn đông đến nỗi ngựa xe chật đường. Lúc chia tay, Sư dặn dò:

- Không nên vui đùa với năm tháng, già bệnh không hẹn ai cả, phải nỗ lực tu hành chớ giải đãi, đó mới là thật sự vì nhau. Ai nấy đều cảm động rơi lệ, đủ thấy sư nhân từ, khéo khai hóa đến mức nào.

Tăng thống Nghĩa Thiên người Cao Ly vốn là vương tử phụng quốc mệnh sang Trung Quốc, nghe danh sư liền đến xin làm đệ tử. Sư hỏi sở đắc, Nghĩa Thiên đem kinh Hoa Nghiêm ra ứng đáp. Sư hỏi:

- Kinh Hoa Nghiêm là do Báo thân Phật thuyết, Hóa thân Phật thuyết hay Pháp thân Phật thuyết?

Nghĩa Thiên đáp:

- Do Pháp thân thuyết.

Sư hỏi:

- Pháp thân biến khắp pháp giới, lúc ấy thính chúng ngồi chỗ nào nghe?

Nghĩa Thiên mờ mịt càng kính phục sư hơn. Đạo pháp đến thời sư rất thịnh. Sư đóng thất tịnh cư ở Linh nam nhưng người học bốn phương vẫn đua nhau tìm đến.

Tháng mười hai năm Nguyên Phù thứ hai, Sư sắp thị tịch, tắm rửa xong sư nằm. Đệ tử vây quanh thưa:

- Hòa thượng đạo vang thiên hạ, ngày nay không thể không nói kệ!

Nói xong chúng bèn đỡ sư dậy. Sư trừng mắt nhìn chúng nói:

- Kề si! Ta ngày thường còn lười làm kệ, ngày nay các ông còn mong mỗi làm gì? Ngày thường ta muốn nằm thì nằm, ngày nay cần gì phải ngồi?

Sư giật bút viết:

- Hậu sự giao cho Thủ Vinh.

Sư ném bút nằm xuống như người ngủ say. Đồ chúng lay gọi thì ra sư tịch rồi. Môn nhân dựng tháp an táng sư trong núi. Sư thọ tám mươi tuổi, tăng lạp năm mươi hai hạ.

28. Thiên sư Hoàng Long Tổ Tâm: (Canh Thìn).

Sư họ Ổ, húy là Tổ Tâm, người Thi Hưng, Nam Hùng. Thuở nhỏ sư vốn là thư sinh nổi tiếng học giỏi. Năm mười chín tuổi bỗng nhiên bị mù, cha mẹ nguyện cho xuất gia, đột nhiên mất sư sáng lại. Sư đến y chỉ Sa-môn Tuệ Toàn ở chùa Long Sơn. Năm sau thi kinh nhưng sư chỉ dâng toàn thơ nên được vua chấp nhận cho xuống tóc kế thừa Thọ Nghiệp viện mà chẳng thọ giới luật. Do gặp những việc không vừa ý nên sư bỏ chùa vào tông lâm yết kiến Thiên sư Vân Phong Văn Duyệt. Sư ở lại đây ba năm, thấy đạo thiên chót vót nên sư từ già Văn Duyệt đi. Văn Duyệt bảo:

- Hãy qua y chỉ Hoàng Bá Tuệ Nam.

Sư đến Hoàng Bá ở được bốn năm có biết đôi chút nhưng không phát cơ, lại từ già về lại Vân Phong. Gặp phải Vân Phong thị tịch, Sư đến y chỉ Thạch Sương nhưng không tham vấn. Sư thử đọc Truyền đăng đến đoạn:

“Tăng hỏi Đa Phước:

- Thế nào là một bụi trúc của Đa Phước?

Phước đáp:

- Một cây hai cây nghiêng, ba cây bốn cây cong”.

Sư bưng tỉnh nhận ra cách tiếp người của hai thầy mình. Sư liền trở về Hoàng Bá, vừa mới trải tọa cụ, Tuệ Nam nói:

- Ông vào nhà ta rồi!

Sư khôn xiết vui mừng nói ngay:

- Việc lớn hóa ra là vậy, Hòa thượng đâu cần phải dạy người khán thoại đầu, tính trăm phương ngàn kế dưới lời nói.

Tuệ Nam nói:

- Nếu ta không làm cho ông tìm tòi như vậy, đến chỗ không dụng tâm, ông tự thấy tự nhận tức là ta đã chôn vùi ông.

Sư thông dong tự tại sống trà trộn trong chúng, thường đến thưa hỏi về ngữ cú của Vân Môn. Tuệ Nam nói:

- Biết việc ấy rồi nên thôi, ông dùng công phu nhiều làm gì.

Sư thưa:

- Không phải, chỉ vì còn chút nghi vấn, nếu không đến chỗ vô học thì làm sao tới lui ngang dọc, xoay trời chuyển đất được.

Tuệ Nam chấp nhận. Sau đó Tuệ Nam chia tòa bảo sư tiếp nhận hậu học. Tuệ Nam về Hoàng Long rồi tịch, giao sư kế thừa pháp tịch. Sư trụ trì được mười hai năm nhưng tính sư thông dong không thích uốn mình theo việc, năm phen chối từ mới được nghỉ việc nhàn cư nhưng người học ngày một đông. Cảnh Ôn Tạ Sư Trụ trì làm Thái thú Đàm châu thấy pháp tịch của Đại Quy không người, đến thỉnh ba lần nhưng sư đều từ chối không đi. Sư Trụ lại dặn Giang Tây Chuyển vận Phán quan Bành Nhữ Lệ Khí tự thỉnh cầu vì vậy sư có ý không đi Trường sa. Sư nói:

- Mong được gặp Tạ Công chứ không mong nhận lãnh Đại Quy. Mã Tổ Bá Trượng về trước không có việc trụ trì, người học chỉ tìm đến những nơi vắng vẻ thanh nhàn mà thôi. Sau đó tuy có trụ trì, nhưng vua tôi tôn kính làm thầy trời người. Ngày nay thì không như vậy, cột mình trong phủ quan chẳng khác muôn dân có hộ khẩu, chỉ khiến người ta xếp hàng tung hô mà thôi. Việc như vậy lẽ đâu cũng làm lại?

Tạ Sư Trụ nghe được, không dám lấy việc tự viện ép sư nữa, chỉ mong được gặp sư một lần.

Sư đến Trường sa, Sư Trụ nguyện xin nghe giáo huấn, lời lẽ khoáng đạt rõ ràng như mặt trời treo giữa trời trong rất dễ nhận biết. Đại lược nói:

“Ba thừa, mười hai phần giáo giống như chỉ thức ăn cho người. Người ta chỉ thức ăn, còn ăn thì phải chính mình nếm lấy. Đã nếm được rồi thì biết ngay mùi vị ấy mặn nhạt hay đắng cay. Tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật giống y như vậy. Chân tánh nhờ nơi văn tự mà được hiển bày nhưng cốt là phải chính mình thấy được. Nếu thấy được rồi thì biết ngay trước mắt là chân hay vọng, là sống hay chết. Đã thấy được chân vọng sống chết, xem lại tất cả ngữ ngôn văn tự thì đều là lời nói để hiển bày, không hề có thật nghĩa. Như nay không biết bệnh ở chỗ nào, bệnh chính là chỗ thấy nghe hiểu biết. Do không thấy biết đến bến bờ như thật mà nhận cái thấy nghe hiểu

biết ấy làm sở kiến của mình, không hề biết được cái thấy nghe hiểu biết đó đều do tiền trần mà có phân biệt. Nếu không có cảnh giới tiền trần thì thấy nghe hiểu biết đó đồng với lông rùa sừng thỏ, không hề có chỗ nương gá”.

Sư Trục đã được nghe những điều chưa từng nghe.

Sư sinh trưởng ở cực Nam, từ lâu đã có tâm hoằng pháp, gởi tâm nơi núi rừng. Gặp lúc mới được Thái Bình, Sư muốn đến Kinh sư vài năm. Phò mã Đô úy Vương Sần cùng quan lại hết lòng lễ kính đón tiếp sư. Sư cất am bên ngoài Quốc môn, ít lâu sau sư về lại Lô sơn. Sư từng làm kệ:

*Chẳng ở chùa triều Đường
Thích là tặng đất Tống
Sinh nhai ba vật chính
Cố cật một cây hèo
Tùy duyên đi khát thực
Gặp núi mặc tình leo
Thấy nhau chớ mỉm cười
Chẳng phải Năng Lãnh Nam.*

Đó đủ thấy phẩm hạnh cao vời của Sư. Về già sư càng dõm am vào rừng sâu tuyệt duyên với hậu học, như thế suốt hai mươi năm. Đêm mười sáu tháng mười một năm Nguyên Phù thứ ba, Sư thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi, tăng lạp năm mươi lăm hạ.

29. Huy Tông: (Tân Ty)

Huy Tông tên là Cát, con thứ mười ba của Thần Tông. Ban đầu, ông được phong làm Đoan vương. Thái hậu Hường thị triệu tể tướng bàn bạc lập Đoan vương. Thừa tướng Chương Đôn nói:

- Đoan vương chỉ là kẻ lãng tử”.

Đoan vương núp sau rèm nghe vậy liền nạt:

- Hãy để Thái hậu định đoạt.

Đoan vương bước ra, Đôn hoảng sợ vì mình sơ ý. Đoan vương lên ngôi, hoang dâm vô độ, ghét Trục Thượng Phù, sủng ái đạo sĩ Lâm Linh Tố. Do vô đạo nên ông bị giáng xuống làm Thiên Thủy Quận vương, thọ năm mươi lăm tuổi, trị vì hai mươi lăm năm, mất ở Ngũ Quốc thành. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Kiến Trung, Tĩnh Quốc.

* Liêu Thiên Tộ lên ngôi. Thiên Tộ húy là Diên Hy, cháu của Đạo, con của Tần vương Nguyên Cát. Ông hoang dâm xa xỉ, suốt ngày chỉ săn bắn. Nhữ Chân có con chim quý tên là Hải đông thanh móng

bằng ngọc, bắt ngỗng trời rất giỏi, một lần bay tới cả ngàn dặm. Năm đó vua ra lệnh muốn dân phải cống hiến hết của cải. Dân oán hận nổi lên làm phản.

Trong năm Chánh Hòa, Đồng Quán phan Liêu, họ hẹn với Nhữ Chân cùng đánh Liêu. Thiên Tộ chạy trốn đến Giáp sơn, bị bắt và giáng xuống làm Hải Tân vương đưa đến phía Đông Trường Bạch sơn dựng thành cho ông ở, sau đó thì Tộ mất.

* Nhữ Chân Thái Tổ A Cốt Đả: Về sau ông đổi tên là Mân, con trưởng của Thái sư Dương Cát; gia thế vốn là Tù trưởng, năm này ông khởi binh lập quốc.

30. Vua soạn bài tựa trong Tục Truyền Đăng:

Thiền sư Pháp Vân Phật Quốc Duy Bạch ở Đông kinh soạn xong Tục Truyền Đăng. Ngày mười lăm tháng tám năm này, Sư dâng cho vua xem xin vua viết lời tựa. Duy Bạch là người Tĩnh Giang, nối pháp với Thiền sư Viên Thông Pháp Tú. Lời văn trong bài tựa ghi:

“Xưa Phật Thích-ca Như lai xuất thế, nhận lời thọ ký của Phật Nhiên Đăng thác sinh trong nhà Tịnh Phạn vương. Lúc sinh ra, chấn động cả đất trời, như vậy cơ duyên của ngài cũng đã thấy rõ. Ngài dạo chơi cửa thành thấy nào là già chết, huyền duyên từ đó vắng lặng. Đến khi mở đạo nơi Kê viên, diễn pháp trên non Thứu thì vô biên cõi nước đều hiện trên đầu sợi lông, đại thiên kinh điển đều tuôn xuất từ trong vi trần. Phía Tây thì tràn khắp Thiên Trúc, phía Đông thì bủa tới Chấn Đán. Biên tập thành kinh thì Thánh pháp một thời chỉ truyền cho A nan, niêm hoa vi tiếu thì chánh pháp nhân tạng chỉ truyền cho Ca-diếp. Từ khi tổ Đạt-ma qua Đông đích thật làm Sơ tổ truyền đến sáu đời cho đến Tào Khê. Bảy giờ nguồn đạo nơi Song Lâm tỏa rạng, một giọt thấm nhuần cả núi sông. Từ Nam Nhạc Thanh Lương về sau chia thành năm tông, mỗi tông có một cách cơ phong ứng đối tiếp người. Tuy cách thức không giống nhau nhưng kết quy chỉ là một đều vùn vụt ứng cơ, tiếp người chớp nhoáng, lợi lạc quần sinh, khả ngộ hữu tình. Ngọn nguồn bao la chi nhánh khơi thông hai tông Vân Môn và Lâm Tế thịnh nhất trong thiên hạ.

Trăm gánh vác mệnh trời, duy trì vận nước, vâng theo tổ nghiệp xây dựng chùa chiền trong khắp thiên hạ. Thái Tông xiển bí nghĩa ở Phu thiên, Chương Thánh truyền đăng nơi Cảnh Đức, Vĩnh Chiêu quảng bá ở Thiên thánh đều là diễn xương chân thừa, hợp sức giáo hóa để thành lối cai trị vô vi. Đối với những tiên đế trước đó nữa càng chuộng

Không tông.

Nguyên Phong thứ ba, xuống chiếu dựng hai khu thiền trong chùa Đại Tướng Quốc, mở Đông đường ở Tuệ Lâm, dựng Tây đường ở Trí hải. Năm Nhâm Tuất, Việt Quốc Đại Trưởng Công chúa và Tập Khánh quân Tiết độ quán sát Lưu Hậu, Phò mã Đô úy Trương Đôn cầu thỉnh, lại dựng Pháp Vân thiền tự ở phía Nam Quốc độ. Lúc này pháp tịch huy hoàng, tông lâm cực thịnh. Những người thế phát xuất gia mền mộ thiền pháp đều vân tập ở Thượng đô. Nay Trương Đôn lạy xin cho Phật Quốc Thiền sư Duy Bạch trụ trì chùa này. Thiền sư là người cứu xét Tối thượng thừa, liễu ngộ Đệ nhất nghĩa, nhiều lần vào cấm cung, bao phen lên tòa giảng, tuyên dương diệu chỉ, ứng hợp bản hoài. Xưa Đức Thế Tôn nói kinh Hoa Nghiêm, phóng quang minh từ tướng lông trắng giữa chạn mày chiếu đến một vạn tám ngàn thế giới thế giới phương Đông, rồi Di-lặc thưa hỏi; Văn-thù quyết nghi bảo đó là Nhất Nguyệt Đẳng Minh Phật, ánh quang minh ấy mâu nhiệm biết bao. Người trì kinh này là Diệu Quang Pháp sư, người chứng đắc được là Phổ Minh Như Lai. Ngày nay nối tiếp Thánh giả, đèn nối tiếp đèn, nguồn sáng tương tục, diệu nghĩa nối truyền từ đây. Biển giác lắng trong vốn hàm tàng trong mười phương, bọt nổi sinh diệt thì trầm luân trong ba cõi. Từ nơi gốc sáng vọng lập trần duyên, phát sinh thấy biết huyền tướng, rồi luân chuyển trong sáu nẻo, thật xót xa thay! Nếu hồi quang phản chiếu phát tỏ nguồn chân quay về nguồn cội thì được ghi chép lại đủ. Tánh tông trực chỉ, tâm ấn đơn truyền chứng đắc trong nháy mắt, thổ lộ ngay trước lời, đưa tay lên thì nâng bổng thế giới Diệu Hỷ, khảy móng tay thì hiện ra lầu các trang nghiêm, thần thông diệu dụng quả thật không thể nghĩ bàn. Trầm vui cùng tứ chúng kết chặt thặng duyên, cùng lia bến mê đồng lên bờ giác, đó là chí nguyện của trầm vậy”.

Ngày mười lăm tháng tám, niên hiệu Kiến Trung Tĩnh Quốc năm đầu, vua ban lời tựa.

Nhâm Ngọ: Đổi niên hiệu là Sùng Ninh, đúc tiền lấy niên hiệu Sùng Ninh, hạ chiếu cho châu quận đều phải dựng chùa Sùng Ninh. Sau đổi thành Thiên Ninh để thay niên hiệu trước đó.

31. Thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn ở Kỳ sơn: (Giáp Thân)

Năm này Thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn ở Kỳ sơn thị tịch. Sư họ Đặng, người Ba tây, Miên châu. Sư xuất gia từ nhỏ, sau khi thọ Cụ túc, Sư đến pháp hội ở Thành đô học và nghiên cứu diệu nghĩa của Bách pháp, Duy thức. Nhưng khi xem đến áo nghĩa này, Sư đặt sách xuống

nói:

“Đè chặt phím đàn làm sao phát tiếng (câu nệ không biết quyền biến).”

Ngay hôm đó sư du phương. Sư đến nhiều nơi nhưng mỗi nghi vẫn chưa phá vỡ. Kế đó sư đến Phù sơn yết kiến Thiên sư Pháp Viễn, ở lại thời gian lâu nhưng vẫn không sáng tỏ được gì. Pháp Viễn nói:

- Ta già rồi! Ông đến y chỉ Thủ Đoan Bạch Vân đi, chớ có bỏ mất.

Sư vâng dạ rồi đi. Sư đến Bạch Vân, Thủ Đoan nói:

- Kẻ trời nổi! Hãy đến đây đi!

Sư lay tạ rồi nhập chúng. Một hôm, Sư nhắc lại việc vị Tăng hỏi Nam Tuyền về ngọc châu Ma-ni để thừa hỏi, Thủ Đoan liền nạt. Sư lãnh ngộ, toát mồ hôi liền dâng bài kệ trình ý:

*Một mảnh ruộng hoang trước núi xanh
Vì nghĩa ân cần hỏi tổ tông
Mấy độ bán đi rồi mua lại
Vì thương từng trúc dẫn gió lành.*

Bạch Vân ẩn khả nói:

- Việc lật vật trong nhà từ nay giao phó cho ông.

Có lần sư xoa tay, vị Tăng thấy sư xoa rất nhanh bèn hỏi:

- Đó là thần thông hay vốn như vậy?

Sư liền vén áo xoay tròn một vòng.

Thủ Đoan có lần dạy chúng:

“Người xưa hỏi:

- Như lấy gương đúc tượng, tượng thành gương ở chỗ nào?”

Chúng hội chẳng ai khế ngộ, Sư đang múa tay múa chân từ ngoài đi vào. Thủ Đoan hỏi lại sư, Sư bước thẳng tới hỏi thăm và nói:

- Cũng chẳng hơn nhau bao nhiêu!

Thủ Đoan cười nói:

- Phải là đạo nhân mới được!

Lần đầu sư trụ trì Tứ Diện, sau về lại Bạch Vân. Sư thượng đường nói:

- Mấy người các ông hễ thấy lão Hòa thượng động môi động miệng, dựng đứng phát tử thì liền cho là thắng giải, rồi đến lúc muông thú trên núi tụ tập lại lắc đầu vẫy đuôi thì các ông cho là nhàn hạ, mà không biết rằng tiếng rèm chẳng mất trước khi mưa, bóng chớp lóe rồi tiếp tiếng sấm.

Sư nói tiếp:

*Ngộ rồi đồng chưa ngộ
Về nhà tìm đường cũ
Một chữ là một chữ
Một câu là một câu
Từ nhỏ chưa thoát thông
Hai tuổi đi chập chững
Nước lãng sinh hoa sen
Mỗi năm nở một lần.*

Sư nói tiếp:

*Gã nghèo bán tranh miếng
Kết thêm ba cân gai
Trăm ngàn năm đi bán
Nơi nào giữ chân được.*

Trương Thừa tướng bảo sư là người có cách ứng cơ tiếp vật thẳng tắp, cao vót không ai đẽo gọt được. Đủ thấy cơ phong của sư siêu xuất đường nào.

Sư thọ hơn bốn mươi tuổi, về già sư qua Thái Bình rồi trụ ở Đông sơn. Ngày hai mươi lăm tháng sáu năm Sùng Ninh thứ ba, Sư thượng đường từ biệt chúng. Lúc này trong sơn môn có rất nhiều thợ thuyền, Sư đích thân đến đôn đốc họ làm việc và dặn họ:

- Các ông gắng làm việc, nghỉ ngơi đúng giờ giấc, ta không trở lại đây nữa.

Sư về phương trượng tắm rửa, cạo tóc. Sáng hôm sau nằm nghiêng bên phải thị tịch.

Ất Dậu: Nước Kim đưa Thụy tượng, rặng Phật vào cung cúng dường.

Bính Tuất: Vua Kim hạ chiếu cho Phật giáo, nếu gặp kẻ nào vượt quá bốn phạm, quấy phá chùa chiền phải trừ khử ngay. Tháng giêng năm này sao chổi xuất hiện ở hướng Tây, dài vắt ngang trời.

Đinh Hợi: Có Thiệu Tông Ích là dân ở quận Ngô Hưng mổ con trai bắt gặp một tượng La-hán liền đưa vào chùa Từ Cảm, sau đưa đến vùng Kiến Viêm, Hiến sứ Dương Ứng Thành do đùa giỡn nên tượng bị rơi xuống nước, có một người đánh cá vớt được và ông ấy dựng lầu để thờ.

32. Thiên sư Pháp Vân Thiện Bản:

Năm này, Thiên sư Đại Thông Thiện Bản ở Pháp Vân Đông đô thị tịch. Sư họ Đổng là hậu duệ của Hán Trọng Thư. Tổ tiên sư đều

sinh sống ở thôn Trọng Thư, Thái Khương. Ông nội tên Kỳ, cha tên Ôn đều làm quan ở đất Dĩnh, nhân đó lập nghiệp luôn ở đây. Hồi ấy mẹ sư không có con, bà đến trước tượng Phật cầu xin và thề:

“Nếu có con tất cho xuất gia”.

Bà ăn chay và có mang. Sư có dung mạo tuấn tú, vừa được một tuổi thì cha mất, mẹ sư phải gửi sư đến nhà ông nội chú. Lớn lên sư học rộng hiểu nhiều, chí khí thanh cao. Mẹ mất, Sư đau đớn khôn cùng, không muốn làm quan, nhịn ăn học đạo, giam mình trong bút nghiên, ý chí kiên cường, trầm mặc hơn thư sinh, công khanh.

Năm Gia Hựu thứ tám, Sư đến Kinh đô, ghi tên ở viện Địa Tạng Hiền Thánh, thị đậu là Đại tăng. Thầy sư là Luật sư Viên Thành Tuệ Tiếp nói với mọi người:

- Ngày sau Thiện Bản sẽ nổi danh trong nước nên mới sinh vào đạo pháp của ta chăng.

Từ đó Viên Thành bảo sư học Tỳ ni và nghe giảng. Đêm nọ, Sư mộng thấy một đồng tử giống như Thiện Tài mà người ta vẽ, chấp tay và dẫn sư đi về phía Nam. Tỉnh dậy, Sư nói:

- Chư Phật, Bồ-tát gia hộ cho ta muốn ta về phía Nam thưa hỏi Thiện tri thức chăng?

Lúc này Thiên sư Viên Chiếu đang hoằng hóa ở Ngô Trung. Sư đến pháp tịch Thụy Quang ở Cô tô yết kiến Thiên sư Viên Chiếu. Viên Chiếu rất để tâm tới sư, Sư ngậm khế tông chỉ, ở lại hầu hạ năm năm, tiếp nhận hết quy củ kỷ cương, đạt được trí nghiệm tầm sai biệt, tới lui tự tại vượt cả phép tắc tầm thường. Trong cả chúng hội không có người nào siêu xuất như sư. Viên Chiếu giữ sư lại có ý giao pháp tịch, đưa Quý Phụ qua thờ Viên Thông Pháp Tú, Pháp Tú ở tại Thê Hiền Lô Sơn. Tú là người tới lui tự tại, chẳng khác Tịch Tử ở Đông tự. Sư ra hoằng hóa ở Song Lâm, Vụ châu, sau dời về Tịnh Từ ở Hàng châu, kế thừa pháp tịch của Viên Chiếu.

Học chúng hơn ngàn người, thí chủ vẫn cung cấp đầy đủ. Đạo tràng ngày càng thịnh, thiện khách đều nghi là có chư Thiên trợ giúp. Thời bấy giờ người ta gọi Pháp Tú và sư là Đại Bản và Tiểu Bản.

Triết Tông nghe danh sư liền xuống chiếu thỉnh sư trụ trì chùa Pháp Vân ở Thượng đô, ban sư hiệu là Đại Thông. Sư lại kế thừa pháp tịch của Viên Thông. Đạo phong sư cao ngất, pháp hội uy nghiêm. Phong cách sư cao vời như thiên trụ, vượt khỏi muôn núi, nhưng lúc nào cũng hòa mình với tăng chúng, chưa từng lấy lời đối vật, lấy sắc đối người. Vương công, quan lại, tín thí đàn na đua nhau kéo đến. Sư ở đây

tám năm, sau đó dâng biểu xin về cất am ở Tây Hồ. Vua đồng ý cho đi. Sư về Đông, cất am trên Long sơn, những người mến mộ đức độ của sư ngày nào cũng đến, Sư đóng thất cất bỏ thế duyên ngót mười năm, thiên hạ muốn gặp sư một lần nhưng không gặp được. Sư nắm chúng ba mươi năm, chưa từng vui cười, lúc ở ẩn rồi sư thường vỗ tay và cười. Có người hỏi nguyên do, Sư đáp:

- Không trang nghiêm làm sao dẫn chúng, xưa ta vì tông lâm nên gắng gượng làm như vậy, chẳng phải là bản tánh vốn như thế.

Sư đi đến đâu hễ thấy tượng Phật Bồ-tát thì chỉ đứng hoặc đi mà không dám ngồi. Y Bồ Tắc thiết cơm đãi sư, trong mâm có món ăn tên gọi giống như cá, Sư không ăn. Tâm chân thành cung kính, phòng ngừa tội lỗi của sư đại loại như vậy. Tháng mười hai năm Đại quán thứ ba, sứ co ba ngón tay rồi nói với tả hữu:

- Chỉ còn ba ngày nữa thôi.

Ba ngày sau quả nhiên sư thị tịch. Lúc ấy có con chim rất lạ bay vòng trước sân kêu mấy tiếng rồi bay mất. Đồ chúng dựng tháp an táng sư trên núi. Sư thọ bảy mươi lăm tuổi, tăng lạp bốn mươi lăm hạ.

Canh Dần: Tháng năm, quan lại cấp độ điệp cho tăng ni. Tháng sáu, Trương Thương Anh làm Thừa tướng. Lúc đó trời đại hạn nhưng đêm ấy bỗng mưa to, vua viết hai chữ “Thương Lâm” và ban cho Thương Anh.

Tân Mão: Đổi niên hiệu là Chánh Hòa. Tháng tư, Trương Thương Anh nghỉ làm tướng. Vua hạ chiếu phá hủy chùa miếu trong kinh thành. Liêu đổi niên hiệu là Thiên Thánh.

33. Sái Kinh ăn thịt chim thuần bị báo mộng:

Nhâm Thìn: Năm này Sái Kinh Tấn Thái sư Sở Quốc Công rất thích ăn thịt chim Thuần, thường nuôi sẵn trong lồng để ăn thịt. Có lần Kinh nằm mộng thấy hơn ngàn con chim Thuần bay đến trước mặt ông tổ cáo. Trong đó có một con bay đến trước miếu nói:

Ăn thóc trong kho ông

Để thịt dưới đĩa ông

Một lần mấy trăm mạng

Sống chết mãi xoay vần

Xem ông thọ ngàn tuổi

Họa phước cùng gá nương.

Sái Kinh tỉnh mộng hoảng sợ vô cùng.

34. Tuệ Trì nhập định trong đại thọ: (Quý Ty)

Tháng tư, gió lớn làm gãy đổ một cây đại thọ ở Gia châu, bên trong có một vị Tăng đang nhập định. Quan báo lại với vua, vua hạ chiếu cho chở đến kinh đô. Tháng tám, quan lại đưa vị Tăng ấy vào điện dịch kinh, Tam tạng Kim tổng trì dùng khánh vàng đánh lên. Vị tăng nghe tiếng khánh liền xuất định nói:

- Tôi là Tuệ Trì em của Pháp sư Tuệ Viễn ở Đông Lâm. Tôi đi Nga my nhân đó ngồi nhập định trong hốc cây.

Nhân đó Tam tạng hỏi:

- Nay thầy muốn đi đâu?

Tuệ Trì đáp:

- Đến Trần Lưu.

Nói xong sư nhập định tiếp. Huy Tông sai thợ thêu tượng ngài ban hành khắp thiên hạ, rồi viết bài tán.

35. Vua xa giá đến Ngọc Thanh Chiêu Dương cung:

Tháng tư năm này, Ngọc Thanh Chiêu Dương cung hoàn thành thỉnh tượng ngài Đạo An vào thờ xong, vua xa giá đến cung làm lễ. Năm thứ bảy vua đổi thành Ngọc Thanh Thần Tiêu cung. Lúc này Đạo giáo rất thịnh, đạo sĩ Từ Tri Thường được vua ban hiệu là Xúng Hư Tiên sinh, Từ Thủ Tín là Hư Tĩnh tiên sinh, Lưu Hồn Khương là Bảo Chân Quán Diệu Xúng Hòa tiên sinh. Sau đó họ đều được ban tặng chức Thái trung Đại phu.

Tháng mười một, Tấn Đại Khuê, Chấp Nguyên Khuê ở Giao Thượng dẫn cả trăm đạo sĩ cầm nghi vệ đi trước dẫn đường, có đến hai mươi sáu đạo sĩ được thăng cấp. Tiên sinh, xử sĩ gồm tám chữ, sáu chữ, bốn chữ và hai chữ. Từ Quán Trung Đại phu đến cấp tướng Sĩ lang. Trọng Hòa lần đầu tiên được dựng đạo quán riêng. Từ Thái Hư Đại phu đến Kim Đàn Lang có tất cả mười sáu người. Từ Đồng Văn Thần, Trung Đại phu đến Định Công lang đều được vào điện Xúng Hòa để làm thị thần, được đến Ngưng thần điện để giảo đính kinh tất cả mười một người. Thị thần cùng đợi chiếu chỉ, họ kiểm tra sách vở rồi cùng soạn sửa, giảo đính kinh xong cùng cất giữ và đều được cấp bổng lộc.

Giáp Ngọ: Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Phật Quả Khắc Cần trụ trì tại chùa Thiên Ninh ở Kinh đô. Vua ban cho Pháp sư Vĩnh Đạo hiệu là Bảo Giác, trụ trì viện Hương Tích ở Tả Nhai.

36. Nhữ Chân phản Liêu:

Năm này Nhữ Chân bắt đầu làm phản, vây hãm phủ Ninh Giang. Hội ấy Liêu chủ Thiên Tộ thưởng phạt không công minh, đam mê tửu sắc, chỉ biết săn bắn. Nhữ Chân ở Đông bắc kết giao với Ngũ quốc. Phía Đông Ngũ quốc kéo tới biển Đông, nơi này sản sinh loài nhạn rất quý, từ biển Đông bay sang có tên là Hải đông thanh. Người nước Liêu rất thích nó, năm nào cũng mong nó bay sang. Nhữ Chân đến Ngũ quốc đánh nhau và có được chim nhạn ấy.

Mùa xuân năm thứ hai, Thiên Tộ đến Hồn đồng giang câu cá và sinh Nhữ Chân ở nơi xa ngàn dặm này. Tộ cùng Tù trưởng uống rượu ca múa vui chơi, chỉ có A Cốt Đả không uống. Thiên Tộ nói với Khu mật sứ Tiêu Phụng Tiên:

- A Cốt Đả chí khí hào kiệt phải trừ khử đi.

Phụng Tiên nói:

- Giết ông ấy sẽ làm tổn hại đến việc giáo hóa muôn dân.

A Cốt Đả biết trước liền khởi binh thôn tính những bộ tộc láng giềng.

Mùa thu, ông hợp binh với các bộ tộc của Nhữ Chân tất cả hai ngàn binh mã đánh vào Ninh Giang châu ở Hồn Đồng giang. Lúc này Thiên Tộ đang săn bắn ở Thu sơn, Khánh châu, sai Bột- hải Thứ sử Cao Tiên Trù đem binh thảo phạt. Trù bị Nhữ Chân đánh bại, Ninh Giang thất thủ. Có luồng khí đen dài vài trường từ Tề cung bay ra, bay hơn một dặm rồi rồi quần quện ở Đan Di.

Ất Mùi: Liêu Thiên Khánh năm thứ năm. Kim Thái tổ A Cốt Đả lên ngôi ngày một tháng giêng, đổi niên hiệu là Thâu quốc.

37. Thiên sư Tử Tâm Ngô Tân:

Chánh Hòa năm thứ năm, Thiên sư Hoàng Long Tử Tâm thị tịch. Sư họ Vương, húy Ngô Tân, người Khúc giang, Thiều châu. Sư dáng người cao lớn, mặt đen, dung mạo giống như vị Tăng Ấn Độ. Sư xuất gia tại viện Phật đà. Khí tiết xuất chúng cốt cách hơn người.

Đầu tiên, Sư đến yết kiến Thiên sư Tú Thiết Diện ở viện Thê hiên. Tú hỏi:

- Thượng tọa người xứ nào?

Sư đáp:

- Quảng nam Thiều châu.

- Từng đến Vân Môn chưa?

- Từng đến.

- Từng đến Linh Thọ chưa?

- Từng đến.
- Thế nào là cành nhánh Linh Thọ.
- Cành dài thì tự dài, cành ngắn thì tự ngắn.

Tú nói:

- Kể Man di xứ Quảng nam chớ nói lung tung.

Sư nói:

- Đến Bắc L chỉ vì chùng ấy.

Nói xong, Sư phủi áo đi ra. Tú thừa nhận nhưng sư không lưu ý.

Sư đến Hoàng Long yết kiến Thiền sư Bảo Giác, tuy cũng luận bàn nhưng không tỏ ngộ. Giác nói:

- Nếu tài năng chỉ chùng ấy, nói ăn đâu thể no bụng người được.

Sư quẫn trí không biết đáp tiếp, bình thản thưa:

- Con đến đây cung gãy tên hết, cúi mong Hòa thượng từ bi chỉ cho chỗ an lạc.

Giác nói:

- Một hạt bụi bay lên thì che khuất trời, một hạt cải rơi xuống thì lấp kín đất, chỗ an lạc chính là chỗ tối kỵ bao nhiêu thứ tạp nhạp của Thượng tọa, cần phải đập chết ngay cái tâm trộm từ vô lượng kiếp đến nay mới được.

Sư đi ra. Một hôm, Sư ngồi lặng lẽ dưới tấm bảng, gặp phải lúc Tri sư đánh hành giả, Sư nghe tiếng roi bỗng nhiên đại ngộ. Sư vui mừng đến nỗi quên cả mang giày liền chạy đến phương trượng, vừa gặp Bảo Giác, Sư tự khen ngay:

- Điều mà thiên hạ học được, con nay đã tỏ ngộ rồi.

Bảo Giác cười nói:

- Tuyển Phật phải giáp khoa, làm sao càng đáng nổi!

Từ đó sư có hiệu là ông già Tử Tâm, cạnh chỗ sư ở gọi là Tử Tâm thất, ý nói người đã tỏ ngộ.

Sư ở đây thời gian lâu, sau sư đến Tương Tây. Lúc này Thiền sư Mộ Triết lãnh chúng ở Nhạc Lộ. Sư đến ra mắt. Triết hỏi Sư:

- Là phàm hay là thánh.

Sư đáp:

- Phi phàm phi thánh.

- Là cái gì?

- Đưa mắt nhìn lên cao.

- Vậy còn núi Nam nổi mây, núi Bắc tuôn mưa thì thế nào?

Sư đáp:

- Là phàm là thánh.

Triết nói:

- Tại sao trên đầu mệnh mang, dưới chân thên thang?
Sư nhìn lên thất thốt ra tiếng hư hư.

Triết nói:

- Giết người mau lẹ.

Sư nói:

Dường như là vậy.

Nói xong, Sư phát áo đi ra. Lúc đầu sư ở Vân nham, sau dời qua Thúy nham. Ở Thúy nham vốn có Dâm tử. Người trong làng đến cầu khẩn, cúng tế rượu thịt không lúc nào thiếu. Sư sai Tri sự đến đập miếu, Tri sự chối từ vì sợ chuốc họa. Sư nạt lớn:

- Nếu có họa, ta chịu.

Sư đích thân đến đập phá, bỗng thấy một con mãng xà to lớn nằm cuộn tròn trong miếu, góc đầu lên muốn mổ, Sư nạt, con rắn lạng lẽ bỏ đi. Sư về về nghĩ và chẳng có chuyện gì xảy ra.

Không bao lâu, Sư về lại Vân nham dựng một gian thất cất kinh. Thái sử Hoàng Đình Kiên viết bài ký. Trong đó có khắc thêm những lời trong mộ chí của người thân vào bên cạnh văn bia. Sư thấy nổi giận mắng:

- Xem thường lăng tẩm không tránh khỏi họa.

Sư nói chưa dứt lời, bỗng làn điện chớp sáng cả thất, sấm sét đánh vào thất đập nát phần ghi văn bia thành tro bụi nhưng bài ký của viện tàng kinh vẫn còn nguyên.

Về già, Sư trụ ở Hoàng Long, người học đồng vô kể. Sư mắc bệnh, lui về Hối đường. Đêm đó, tăng chúng đến thưa hỏi, Sư dựng đứng phất tử lên nói:

- Hãy xem xem! Phất tử bệnh hay Tử Tâm bệnh? Phất tử yên hay Tử Tâm yên? Phất tử đâm thủng Tử Tâm hay Tử Tâm đâm thủng phất tử? Ngay lúc ấy phải gọi là phất tử hay gọi là Tử Tâm? Phải gọi là Tử Tâm hay gọi là phất tử? Rốt cuộc phải gọi là cái gì?

Sư im lặng giây lâu nói tiếp:

Chớ đem phải quấy cùng ta biện

Phù sinh xuyên tạc chẳng can nhau.

Có vị Tăng hỏi câu sau cùng, Sư nói kệ:

Một câu sau cùng ấy

Phải dứt sạch đường tâm

Cửa sáu căn đã không

Muôn pháp không sinh diệt

*Từ đây tỏ cội nguồn
 Chẳng cần cầu giải thoát
 Bình sinh ưa mắng người
 Chỉ vì thường vui sống.*

Tối ngày mười ba tháng mười hai lúc nửa đêm sư nói kệ, đến ngày mười lăm sư an nhiên thị tịch. Đồ chúng trà-tỳ thấy có xá-lợi ngũ sắc. Sư thọ bảy mươi hai tuổi, tăng lạp bốn mươi lăm hạ.

38. Luật Sư Linh Chi Nguyên Chiếu: (Bính thân)

Sư họ Đường, hiệu Nguyên Chiếu, tự là Trạm Nhiên, người Dư Hàng. Từ nhỏ sư xuất gia học Luật với Đông Tàng Tuệ Giám ở Tường Phù. Đến khi gặp ngài Thần Ngộ Khiêm Công giảng giáo quán Thiên thai, Sư nghiên cứu khắp tông, lấy Luật làm nền tảng. Sau theo ngài Quảng Từ thọ Bồ-tát giới. Sư trì giới nghiêm minh, Luật nghi đốn tiêm thấy đều hoàn hảo. Tông Nam sơn từ đây cực thịnh. Sư thường đắp y chống trượng ôm bát vào chợ khát thực. Dương Vô Vi có làm bài tán ngợi khen sư rằng:

*Ôm bát đi, ôm bát về
 Lời Phật luôn bốn uy nghi
 Lúc mới vào làng không ai biết
 Hư không chắc có quỷ thần tri.*

Sư trụ trì bốn pháp tịch, về già trụ ở Linh Chi suốt ba mươi năm, đồ chúng thường đến mấy trăm. Có lần sư nói:

“Giáo hóa đời nay không gì hơn giảng thuyết, răn dạy hậu lai không gì hơn trừ thuật”.

Sư soạn những bài ký như Tư Trì Tế Duyên Hạnh, Tông Ứng Pháp Trụ Pháp, Báo Ân và những bộ số nghĩa như Thập Lục Quán, Tiểu Di Đà. Đồng thời san định Luật Nghi Bản Chi Viên tập gồm rất nhiều quyển. Sư tự gọi mình là An Nhẫn Tử, sai đồ chúng phúng tụng Phổ Hiền Hạnh Nguyện phẩm rồi ngồi kiết già thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, tăng lạp năm mươi một hạ.

39. Đạo Sĩ Lâm Linh Tố dùng yêu thuật yêu sách vua:

Đạo sĩ Lâm Linh Tố, người Ôn châu rất giỏi dùng yêu thuật, học theo pháp của Lôi Công hay đi lại đây đó, thường vào những chùa viện ở sông Hoài sông Tứ xin ăn. Tăng chúng đối xử tệ với ông. Ông đến Sở châu đánh nhau với Tuệ Thế rồi bị giải lên quan phủ. Thối Thạch Trọng hỏi, Tố đối đáp rất lạnh lợi. Sau đó Trọng thả ông ra và đưa về ở tại dịch

quán và hỏi ông về thuật nuốt lửa, phun lửa.

Tháng giêng năm thứ bảy, Trọng dẫn Tố vào kinh đô nhờ đạo sĩ Từ Tri Thường dẫn đến ra mắt Tể tướng Sái Kinh. Kinh dẫn Tố vào gặp vua. Linh Tố nói khoác rằng:

- Trên trời có Thần Tiêu Ngọc Thanh phủ do Trường Sinh Đế Quân nắm giữ, em ông ấy là Thanh Hoa Đế Quân, đều là con của Ngọc đế! Kế đó có Tả Nguyên Tiên Bá và Thụ Phật Tiên sứ Chử Tuệ tất cả hơn tám trăm quan lại. Tố nói: Vua là Trường Sinh Đại đế quân, Sái Kinh là Tả nguyên Tiên Bá, còn ta chính là Chử Tuệ.

Vua vui vẻ tin lời Tố, ban Tố làm Lâm kim Môn vũ khách, dựng Cung Thông chân để Tố ở. Vua tự gọi mình là Giáo Chủ Đạo Quân Hoàng đế.

Tháng hai, vua hạ chiếu đổi tên các chùa lớn trong nước thành Thần Tiêu Ngọc Thanh Vạn Thọ cung; đổi viện thành đạo quán, đắp tượng Trường Sinh Thanh Hoa Đế Quân; lập ra đạo học khoa. Sau đó không lâu tổ chức việc thi cử vào khoa này.

Tháng tư, vua hạ chiếu cho Đạo lục viện rằng:

“Trẫm là con đầu của Thượng đế, làm chức Thái tiêu Đế quân, thương xót Trung Hoa bị nạn giáo của bọn quân Di Địch nước Kim nên khẩn thiết xin thượng đế xuống trần làm nhân chủ, nhằm khiến thiên hạ trở về chánh đạo. Bọn khanh có thể dâng biểu yêu cầu. Trẫm là giáo chủ Đạo Quân Hoàng đế nên chỉ dùng những kinh sách của giáo này mà thôi. Họ Thích có sáu ngàn quyển kinh nội dung nói đến cái ác bàn đến cái tệ, ngôn từ chỉ toàn hủy báng Đạo giáo và Nho giáo. Trẫm lệnh cho quần thần ở gần Đạo lục viện phải xem xét lại kỹ và đem đốt hết đi”.

40. Thiên sư Hoàng Long Duy Thanh:

Năm này Thiên sư Linh Nguyên ở núi Hoàng Long, phủ Long Hưng thị tịch. Sư họ Trần tên là Duy Thanh, người Vũ Ninh, Nam châu. Vừa để chỏm sư đã đi học. Mỗi ngày học thuộc cả ngàn lời, đối đáp lanh lẹ. Có một dị tăng ngang qua trường học gặp sư liền kéo tới nhìn kỹ, thất kinh nói:

- Trong đám cỏ hoang lại có thằng bé thế này ư!

Thế rồi vị Tăng đến xin cha mẹ Sư cho Sư xuất gia. Cha mẹ sư đồng ý. Sư xuất gia nghiêm trì giới luật, mười bảy tuổi thọ Cụ túc. Sư nghe bậc kỳ túc Pháp An ở Diên Ân viện là người liễu ngộ liền đến cầu học. Pháp An nói:

- Ông là thuyền pháp trong biển khổ, bình thường ta tiếp nhận người lẽ đâu hôm nay lại không nhưng Thiền sư Hoàng Long Tử Tâm mới là thầy của ông, ông đến đó ngay dừng chậm trễ.

Sư đến Hoàng Long, cùng tăng chúng làm việc nghỉ ngơi, hỏi đáp nhưng vẫn mờ mịt, chẳng biết chút manh mối gì. Đêm nọ, Sư đến trước tượng Phật và thề:

“Nếu con tỏ ngộ thì nguyện đem cả thân mạng đời này phụng trì chánh pháp, đời đời nỗ lực hoằng dương đại pháp”.

Sư đọc diệu nghĩa, mệt thì tựa vách, xong đứng dậy đi kinh hành. Trong lúc bước đi sư làm rơi dép, Sư cúi xuống xỏ dép thì hoá nhiên đại ngộ. Sư đem sở ngộ của mình trình với Bảo Giác. Giác nói:

- Người từ duyên mà thể nhập thì không bao giờ còn thoái thất. Nhưng người mới chứng đắc pháp “không” thường thích thú khiến cho tán loạn, nên cần làm thị giả cho cơ duyên thuần thực.

Sư là người rất đặc thù, định tâm như băng tuyết mà học thức cũng cao vời. Long đồ Từ Hy Đức Chiếm, Thái sử Hoàng Đình Kiên đều kết bạn với sư. Khi thấy sư được Bảo Giác ấn khả, họ liền chọn đạo tràng cho sư ở.

Thừa tướng Trương Thương Anh lúc đó phụng chiếu đi sứ Giang Tây nghe danh sư, Thương Anh rất kính phục. Sau ông dùng lễ thỉnh sư về ở tại viện Quan Âm ở Hồng châu nhưng sư không đi. Mười năm sau Hoài nam sứ giả Chu Kinh Thế Xương thỉnh sự trụ ở Thái Bình, Thư châu. Sư hứa khả. Từ đó học chúng đua nhau tìm đến sư cầu học. Có lần sư nói với Tịch Âm:

“Người học ngày nay chưa thoát khỏi sinh tử, bệnh ở chỗ nào? Đó là do tâm trộm cắp chưa trừ mà thôi! Thế nhưng không phải lỗi ở họ mà là lỗi của thầy họ. Như Hán Cao đế giết Hàn Tín chết. Hàn Tín tuy chết nhưng tâm ông ta quả có chết không? Người học ngày xưa nói năng là giải thoát, vậy hiệu lực ở chỗ nào? chính là tâm trộm cắp đã chết. Nhưng đó là điều người học không thể tự làm được, mà đó là nhờ thầy của họ trui rèn những điều mật diệu. Như Lương Võ đế ngự ở đại điện gặp Hậu Cảnh mà chẳng hề biến sắc nhưng tâm của Hậu Cảnh đã khô kiệt hoàn toàn.

Các nơi nói ra đều là điều tốt đẹp. Nhưng điều quan trọng cũng giống như Triệu Xương vẽ hoa, đó chỉ là hoa vẽ chứ không phải hoa thật. Thiện xảo đại pháp cũng giống như vậy”.

Ngày mười tám tháng chín năm Chánh Hòa thứ bảy, Sư dùng cơm xong rồi tắm rửa, cạo tóc, ngồi kiết già thị tịch.

41. Thiên sư Phật Giám Tuệ Cần:

Tháng mười một, Thiên sư Phật Giám Tuệ Cần ở viện Trí hải, Biện Kinh thị tịch. Sư họ Uông, người Thư châu.

Mậu Tuất: Đối niên hiệu Trọng Hòa. Nước Kim đối niên hiệu là Thiên Phụ, năm đầu.

42. Vua Nghe Lâm Linh Tố Giảng Kinh:

Tháng mười một, vua ngự đến cung Bảo Lục độ tất cả tám trăm người trong hội Ngọc Thanh Thần Tiêu bí lục. Họ đều là thiên thần giáng thế, khởi thủy từ Vương Lão Chí mà cao nhất là Lâm Linh Tố cùng cả chúng hội này. Tố lên tòa cao giảng Kinh, vua dựng trường ngồi bên cạnh. Những điều Tố giảng chẳng có gì đặc sắc chỉ toàn là chuyện tào lao hài hước nhằm gây cười. Vua tôi cùng cười nghiêng ngả, chẳng có chút lễ nghi quân thần. Thời bấy giờ đạo sĩ có lương bổng. Mỗi một lần thiết trai thế này, họ thu về cả mấy mươi vạn. Mỗi một cung quán đều được cấp khoảng mấy ngàn khoảnh ruộng chỉ nhằm nuôi vợ con thế kiếp của bọn họ ở ngoài cung. Những người ấy cũng dùng keo xanh bôi tóc, mặc gấm lụa, ăn cao lương tất cả hơn hai vạn người. Mỗi pháp hội thế này tốn hao đến vài vạn tiền. Những kẻ bần cùng thấp kém phần nhiều cũng mua áo xanh khăn trùm đầu cải trang đến dự hội. Mỗi ngày ít nhất cũng có ba trăm người đến ăn không và nhận đồ cúng thí. Người ta gọi đây là Thiên Đạo hội.

Tháng mười một, có một ngôi sao to bằng mặt trời từ từ đi về hướng Nam và lặn mất. Ánh sáng của nó y như mặt trăng.

43. Đại Kim Lập Quốc:

Tháng mười hai Nhữ Chân A Cốt Đả xưng đế, lập quốc lấy hiệu là Đại Kim. Nhữ Chân vốn là Tù trưởng. Ở Tân La có người hiệu là Hoàng Nhan Thị. Hoàng Nhan vẫn là người Hán nên được xưng vương. Nhữ Chân đem con gái gả cho ông ta, sinh được hai con, con trưởng là Hồ Lai. Từ đó truyền được ba người, đến Dương Ca Đại sư rồi đến A Cốt Đả. Cốt Đả thân cao tám thước, diện mạo khôi ngô tuấn tú, ít nói ít cười, nóng giận thất thường nhưng có chí lớn. Dương Phó là người Liêu Đông khuyên Cốt Đả xưng đế. Do nước này sản sinh ra vàng nên lấy hiệu là Đại Kim. Ông sai người mời Thiên Tộ và yêu cầu phong tước cho Sách. Thiên Tộ sai sứ đem đủ áo mũ, phong Sách làm Đông Hoài Hoàng đế.

44. Vua hạ chiếu sửa danh hiệu Phật, phá chùa Tăng:

Kỷ Hợi: Đổi niên hiệu Tuyên Hòa. Tây Hạ đổi niên hiệu là Nguyên Đức. Pháp sư Vĩnh Đạo ở viện Hương Tích Tả Nhai gửi thư can gián ở Lãnh biểu. Bọn giặc Mục Phương Lạp làm phản tiếm ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh lạc, mùa đông năm Canh Tý bị diệt vong.

Tháng giêng, vua hạ chiếu sửa danh hiệu Phật thành đại Giác Kim Tiên, còn lại là tiên nhân Đại sĩ. Tăng được gọi là Đức sĩ, Hành nhân gọi là Đức đồng, đều phải đội mũ mặc áo Đạo giáo. Mũ đạo sĩ đều có dây tua, mũ đức sĩ thì không có, tất cả Pháp sư vẫn gọi tên như cũ thì bị bắt. Quần thần nào can gián đều bị đối xử bạo ngược và giết chết. Phong tục thế này đã thay đổi quá lắm rồi. Lại đổi chùa thành cung, đổi viện thành quán, sau sửa nữ quan thành nữ đạo, ni đổi thành nữ đức, cấm nấu đồng đúc tượng. Vua còn hạ chiếu đuổi hết đức sĩ trong nước ra khỏi bốn tự, không cho đem theo y bát vật dụng, rồi sai bọn đạo sĩ an tâm trụ trì.

Mùa hạ tháng năm, nước ở Đô thành dâng cao hơn mười trượng, trước đó mưa lớn trong mấy ngày. Trước huyện Khai Phong, có dân ở chợ sáng sớm dậy lau chùi giường sàng thấy có vật gì giống như con chó to ngồi xổm bên cạnh, nhìn kỹ thì hóa ra con rồng. Người ấy hoảng sợ la lên ù chạy, con rồng ấy liền bị quân lính quanh đấy vây bắt và làm thịt ăn. Dân trong thành đều họa tượng rồng đó, giống như con rồng mà người ta họa vẽ. Vảy màu xanh, toàn thân màu đen, đầu giống con lừa, nhưng hai mang tai giống như đầu cá có màu xanh lục, giữa đầu có sừng, cổ rất dài. Lúc đầu nó khoanh thành hai vòng, tiếng giống tiếng trâu. Mười ngày sau nước tràn tới. Vua hạ chiếu cho Lâm Linh Tố cầu nước rút nhưng không hiệu nghiệm. Có vị Tăng giáng hiện ở Tứ châu, vua sai ngài cầu nước rút. Đại sĩ lên thành, nước đột nhiên rút cạn. Vua mừng ban cho ngài là hiệu Cự Tế Đại sĩ. Sau khi con rồng giáng xuống, mỗi đêm đều có năm lần trống canh. Phía Tây bắc có luồng khí đỏ chia thành mấy mươi đường xông thẳng lên trời, phạm vào tử cung Bắc đẩu, thấy sao này dường như bị cách bởi một dải lụa đỏ. Lúc nó mới xông lên, tỏa ra đều có âm thanh, kể đó tuôn thẳng lên. Sau đó vài đêm, âm thanh càng lớn càng lúc càng chậm dần âm thanh càng dữ dội, luồng khí đỏ này xông ra hướng Tây bắc phân thành mấy trăm đường. Trong đó lại xuất hiện hai luồng khí đen và trắng nhưng khí đỏ vẫn nhiều hơn. Từ Tây bắc chợt xông thẳng qua Đông bắc, rồi kéo dài qua Đông nam, âm thanh của nó vẫn không dứt mãi đến sáng mới hết.

Tháng mười một mùa đông thả Lâm Linh Tố về Ôn châu và

giết.

Canh Tý: Tháng chín, vua hạ chiếu cho Đức sĩ của Phật giáo được nhận lại danh hiệu cũ của Tăng họ Thích, thâu tiền đổi độ điệp, bỏ lệnh cấm nấu đồng đúc tượng. Đại sư Bảo Giác về ở gần Quận đô.

Tân Sửu: Vua hạ chiếu lấy hết ruộng đất tài sản trước đây ban cho Thần tiêu cung trả lại hết cho chùa. Nước Liêu đổi niên hiệu Bảo Đại năm đầu.

Tháng giêng có nhật thực, trời bỗng xám xịt, trong ấy có một cái vòng vàng xoay vần, rồi đột nhiên phóng ra hình dáng giống mặt trời bên cạnh có màu xanh đen, giống như sóng nước xoáy vòng vòng, gần tối thì hết. Lúc này giặc loạn họ Mục chưa trừ, muôn dân rất lo.

Ngày hai mươi lăm tháng ba vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Hoài Tâm ở Từ Thọ trụ trì viện Tuệ Lâm trong chùa Tướng Quốc. Sư họ Hạ người Thọ Xuân, nổi pháp với Thiền sư Tín ở Trường Lô.

Tháng sáu có nhật thực, phát xuất từ kinh thành Lạc Dương, chợt có một vật khi như con người, lúc giống con chó, có màu đen, không nhìn rõ mi mắt. Ban đêm nó đi ra bắt con nít ăn thịt như vậy ba năm mới hết.

Nhâm Dần: Liêu Diên Hy và Nhữ Chân đánh nhau. Hy bị Chân đánh bại, Thượng kinh, Đông kinh bị vây hãm. Hy chạy sang nước Yên, Nhữ Chân đánh tiếp, Hy cùng hai con chạy đến sa mạc, theo Lạc dương vào Giáp sơn, lên ngôi lại ở nước Yên, nước Liêu từ đó bị chia cắt. Liêu đổi niên hiệu là Kiến Phước.

45. Truyện về Trương Vô Tận:

Năm này Thừa tướng Trương Vô Tận mất. Ông húy là Thương Anh, tự là Thiện Giác. Mười chín tuổi ông đến Xuân Vi vào nhà họ Hưởng. Trước đó Hưởng mộng thấy thần nhân đến báo “Sáng mai đón tướng công”. Sáng sớm thì ông đến Hưởng lấy làm lạ, ân cần hỏi thăm, mến phục đức hạnh ông, sau đó gả con gái cho ông. Thương Anh quả nhiên gặp may.

Ngày nọ, ông đến tắm xá, thấy người quét dọn nơi cất kinh, những bản Phạm giáp đều đóng bụi, ông bùi ngùi than:

“Sách của Thánh Khổng ta không bằng kinh giáo người Hồ.”

Ban đêm ông ngồi trong thư phòng ngâm nga đến canh ba. Hưởng thấy vậy hỏi:

- Khuya rồi sao không đi ngủ?

Ông đáp:

- Chính là đang viết Vô Phật Luận.

- Đã không Phật, dùng luận làm gì?

Ông nghi nghi lời này bèn thôi. Sau nhân thăm người bạn, ông thấy quyển kinh Phật liền hỏi:

- Sách gì vậy?

- Kinh Duy-ma.

Ông liền mở xem thử đến câu “Bệnh này không phải địa đại, cũng không lia địa đại”.

Ông than:

“Không ngờ phương khác mới có câu này”.

Ông mượn hết bộ kinh đem về miệt mài đọc. Hướng nói:

- Đọc thuộc trước đi, sau mới có thể viết Vô Phật Luận được.

Từ đó ông để tâm đến thiền tông.

Nhân làm Đề phán ở Hà Đông, ông đến Phần Dương lễ tháp của Quốc sư Đại Đạt, đêm ấy ông mộng thấy Quốc sư từ tốn đón tiếp ông. Tỉnh dậy, ông liền đọc ngữ lục của Quốc sư. Đọc đến đoạn: “Quốc sư hỏi Mã Tổ về tâm ấn của Đạt-ma. Tổ nói:

- Đại đức đang ở trong chợ búa, hãy đi đi!

Quốc sư đi, Tổ cười gọi:

- Đại đức!

Quốc sư quay đầu lại, Tổ hỏi:

- Là cái gì?

Ông bỗng tỉnh ngộ làm bài kệ:

Là cái gì, theo cái gì

La hầu trước điện đèn là lửa

Không phải như Tổ gọi lại Liền

bị Thiện Tài nghịch phá Gió Tỳ

lam mạnh chín tầng cao Cò

trắng mắt mờ cá lợi qua.

Năm Nguyên Hựu thứ sáu, ông phụng chiếu đi sứ Giang tả. Ông qua Đông Lâm yết kiến sư Chiếu Giác. Hai người đàm luận rất lâu, ông hỏi:

- Các vị ở Nam Xương có thể cùng ai đàm đạo?

Giác đáp:

- Đâu suất vui, Ngọc Khê mừng.

Tháng tám, ông đi Phần Ninh, thiền giả đều đón tiếp ông, ông mời họ đến Vân Nham thẳng đường, ông có bài kệ:

Năm ông cơ duyên cùng một phương

*Lanh lợi đều ẩn chứa bên trong
Sớm mai dăng đàn bày xem thử
Tiện xin cầm giáo đánh một phen.*

Cuối cùng Duyệt dăng đàn, nhìn khắp chúng hội, ông rất vui mừng liền nhập định vào Nghĩ Bộc đình trong viện Đâu suất rồi hỏi:

- Đây là cái gì?

Duyệt đáp:

- Nghĩ Bộc đình.

Ông hỏi:

- Vạn xoay ống trúc nước chảy về đâu?

- Dăng ra trước mắt.

Ông suy nghĩ, Duyệt liền nói:

- Phật pháp không phải đạo lý này.

Đêm đó, đang nói chuyện, ông nói:

- Tôi xem cơ duyên của một ngàn bảy trăm tôn túc trong Truyền đăng chỉ nghi câu “nhắc bát” của Đức Sơn.

Duyệt nói:

- Nếu nghi câu “nhắc bát” còn lại đều là tâm nghĩ suy, ý tìm hiểu, vậy đâu từng đến được cảnh giới đại an lạc?

Ông tức giận bỏ về giường ngủ. Đến canh năm, lúc bước chân xuống giường vô tình đá lăn cái ống nhỏ, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Ông liền đến gõ cửa phòng Duyệt nói:

- Bắt được giấc rồi!

Duyệt hỏi:

- Giấc ở đâu?

Ông gõ cửa ba cái, Duyệt nói:

- Ngủ tiếp đi, sáng ngày gặp nhau.

Sáng sớm hôm sau, ông trình bài tụng:

*Trống lặng chuông im nâng bát hồi
Đâu non bức bách tiếng như lời
Quả nhiên chỉ được ba năm sống
Đâu phải gặp ai thọ ký cho.*

Bấy giờ, Duyệt đốt hương giao phó cho ông bằng bài kệ:

*Đến đi thông thả
Bước bước đều như
Sống trong thanh sắc
Chớ trệ có không
Một tâm chẳng khác*

Muôn pháp đều đồng
 Thôi phân thể dụng
 Chớ lựa tinh thô Ứng
 cơ chẳng ngại Tiếp
 vật mặc tình Tình thị
 phi sạch Phàm thánh
 đều trừ Ai được ai
 mất
 Ai thân ai sơ
 Nắm đầu làm đuôi
 Chỉ thật làm giả
 Giam thân cảnh ma
 Trở gót trong mê
 Rõ không thuận nghịch
 Chẳng phạm công phu.

Duyệt dặn dò thêm:

- Tham thiền là mạng căn chẳng đoạn, nương lời nói sinh kiến giải, cách ấy ông đã tỏ ngộ sâu xa rồi. Thế nhưng những ma sự rất nhỏ nhiệm khiến con người không hay không biết đọa trong hạn hẹp thì ông nên tỉnh giác.

Trương Thương Anh nghe xong cảm kích vô cùng. Tháng mười một năm này, Duyệt quy tịch. Ông bái biệt Duyệt, sau đó không lâu ông lên Hữu Quý. Đêm ấy sao chổi lặn, hạn hán lâu ngày đêm ấy bỗng có mưa.

Đường Tử Tây có làm bài Nội Tiên Hành. Hồi ấy ai cũng thuộc. Bài thơ ấy viết:

Nội tiên xe ngựa dạt chẳng ra
 Trong điện Văn Đức, Tuyên ma về
 Tử Vi Thị lang bái làm tướng
 Trung sứ thỉnh đến Văn xương đài
 Đêm qua dưới cờ trời sáng tỏ
 Rừng gươm bãi giáo cũng sạch không
 Hôm sau hóa thành nguồn mưa ngọt
 Nhà nhà phấn khởi có kỳ tài
 Lễ nhạc Chu công chưa trở vội
 Thân đi Diêu Tống cũng chẳng dơ
 Năm ấy ta nghe họ bái tướng
 Lúa thóc dân gian ba bốn tiền.

Năm sau tức tháng hai năm Tuyên Hòa, ông tâu vua, vua ban thụ hiệu là Chân Tịch, sai sứ cầm văn tế đến trước tháp Duyệt tế. Đại lược nói:

“Tôi mấy năm phụng chiếu đi sứ Giang Tây, làm An bộ Tây an, rồi quen biết nhau trong núi Long An. Đêm đêm nắm tay trò chuyện, hiểu được việc lớn ngày sau, chánh tông phân định tỏ tường chỉ tiếc rằng gặp nhau quá muộn và thầy từ già quá nhanh, tiếc thay gốc phước chưa bồi tuệ duyên không thắng nổi số mệnh. Vui vì đức của thầy không mai một, bởi vậy sau cùng rồi cũng có người để tâm hoàng dương. Tôi thỉnh xin với vua, vua gia ân ban thầy thụ là Chân Tịch Thiên sư. Than ôi! Chỉ tôi với thầy là thần giao đạo khế, nên chẳng dám quên tấm lòng nhiệt tình động viên của thầy lúc bình sinh. Dù sống chết cách xa với vợi nhưng nhờ đặc ân của thiên tử may ra cùng gặp nhau. Ngưỡng mong giác linh thầy nhận lãnh vinh hạnh này”.

Tháng mười một năm Tuyên Hòa thứ tư, Lê Minh Khẩu Chiếm dâng biểu, ông sai học trò chép lại, rồi làm bài kệ:

*Thân huyền rạng danh tám một năm
Sống trôi chết nổi mấy ai hay
Đập nát hư không về đây đó
Trâu sắt vào biển bật tâm hơi.*

Nói xong, ông cầm gói ném ra cửa, tiếng động như tiếng sấm vang. Nhìn lại thì ông đã quy tịch rồi.

Quý Mão: Kim đổi niên hiệu là Thiên Hội năm đầu. Thái Tông Ngô Khất Mãi lên ngôi đó chính là em Thái Tổ, do bọn Niêm Hãn, Cán, Ly Bất lập lên. Sau khi diệt Liêu, ông có ý thôn tính phía Nam. Ông lên ngôi Hoàng đế, hang núi đó được gọi là hội Ninh Phủ dùng làm kinh thành chính. Tại cấm đình, vua tận mắt nhìn thấy ánh sáng kiết tường, trong ánh sáng ấy hiện ra Phật, vua liền sai người họa lại hình tượng đem vào sân điện cúng dường, vua đích thân quét dọn, mỗi lần cúng cơm đều quỳ xuống dâng. Vua làm như vậy trong nhiều năm nhưng chưa từng giải đãi. Mỗi năm vua đều mở hội thiết trai cúng dường cả hơn vạn tăng.

Giáp Thìn: Lúc này Lương kinh, Hà lộ, Tiết lộ, kinh sư liên tục xảy ra tai họa kỳ dị. Ở Đô thành có một người đàn ông bán trái cây mang thai rồi sinh con, người mẹ bất đắc dĩ này nuôi con không được, phải chuyển tay đến bảy người nuôi thẳng bé mới thoát chết và ông trốn đi. Lại có một quan rượu tên là Phong Lạc Lâu, vợ của Tửu Bảo là họ Chu đã hơn bốn mươi tuổi bỗng sinh một đứa con gái râu chòm ria mép,

đưa bé chỉ cao bốn tấc hai, mặt mũi khô ngô tuấn tú, giống như một nam tử. Vua hạ chiếu cho nó làm nữ đạo sĩ.

46. Thiên sư Giác Phạm Đức Hồng:

Năm này, bộ Thiên Lâm Tăng Bảo truyện soạn xong, do Sa-môn Đức Hồng soạn. Ngài họ Du, tự Giác Phạm. Lúc đầu có tên Tuệ Hồng, người Cao An. Ngài mồ côi từ nhỏ học hành rất giỏi, có tài viết văn, tính tình khiêm cung, giản dị. Năm mười ba tuổi ngài theo Thiên sư Tam Phong xuất gia, mười chín tuổi thi kinh ở Đông đô và được thế phát thọ Cụ túc, nghe Luật sư Tuyên Bí giảng Kinh Hoa Nghiêm. Ngày nọ, cảm thấy không vui, ngài quay về phụng sự Thiên sư Chân Tịnh Khắc Văn. Ngài ở đây bảy năm, tiếp nhận hết sở học của Khắc Văn, sau đó ngài vân du đến vùng Hồ, Tương. Kinh Châu Trương Thừa tướng nghe danh ngài liền thỉnh ngài truyền pháp ở chùa Thiên Ninh, Giáp sơn. Ngài làm hai bài thơ ngỏ ý từ chối, sau đó đến gặp Thừa tướng. Vừa gặp ngài, Trương Thừa tướng mừng rỡ khen:

“Quả là bậc kỳ tài đời nay”.

Cấp sự trung Chu Ngạn phủ dụ Phủ châu, thỉnh ngài trụ trì chùaaa Cảnh Đức ở phương Bắc. Được thời gian, ngài từ già đi, sau đó ngài trụ trì chùa Thanh Lương ở phủ Giang Ninh. Tại đây ngài bị một cuồng tăng vu cáo nên bị bắt giam. Trương Thừa tướng đang làm việc trong triều cứu ngài ra và cho xuất gia làm Tăng lại. Ngài đổi tên là Đức Hồng. Thừa tướng nhiều lần dẫn ngài vào phủ cùng luận Phật pháp. Vua có chiếu ban ngài hiệu là Bảo Giác Viên Minh. Lúc này kẻ sang người hèn đua nhau tìm đến ngài cầu học, lạy ngài làm thầy. Ngài dự định đi trụ trì ở núi Hoàng Long thì gặp phải lúc Thừa tướng bỏ ngôi vị, vua có lệnh bắt giam hết những người qua lại với Thừa tướng. Thượng thư Lang Triệu Dương v.v... đều bị giáng chức. Ngài trốn ra đảo Hải nam. Ba năm sau vua ra lệnh ân xá, từ đó mới được tự do nhưng tên ngài vẫn còn trong hình bộ. Dù hình dung như Cư sĩ tại gia nhưng ngài vẫn nghiêm trì giới luật. Đi đến đâu trưởng lão đều ân cần đón tiếp, không ai dám thất lễ. Ngài có người bạn đồng môn ở Cốc sơn, vị này cùng những Sa-môn nổi pháp khác ở nơi đồng đón ngài vào ở phương trượng. Từ đây người học lại quy tụ về với ngài. Thời bấy giờ, có luật cấm tăng sĩ không được giao du với thường dân, có bề có đảng nhưng ngài lại là người nhiều bạn bè lại rất giỏi văn chương, nếu phạm tội lại thì hết đường hối cải. Chỉ có Trương Thừa tướng và Thị lang Trâu Hạo, Hữu Sư Trần Huân là tận lực giúp ngài, đưa ngài về Đông đô. Có người cười chê bảo rằng đạo nhân

mà giao du với người quyền thế. Ngài cười nói:

- Vậy là ông chưa biết ý ta, đại thần trong sạch, hiểu biết thường gặp tai họa.

Đến đầu năm Tĩnh Khang mới bỏ lệnh cấm này. Người ta bảo rằng, do ngày trước ngài trái ý chúng tăng chạy theo văn nghĩa nên suýt chết mấy lần. Sau đó ngài nhận lại Tăng tịch. Ngài nghĩ cần phải thân cận những người được vua ân sủng để chỉ cho họ cách chấp chánh, ngài rất muốn thực hiện việc này nhưng công việc quá nhiều cuối cùng không làm được. Năm sau thì ngài mất, thế là chưa thỏa được ước nguyện, ai nấy đều lấy làm tiếc. Ngài thọ năm mươi tám tuổi, tăng lạp ba mươi chín hạ. Ngài trứ tác rất nhiều luận nội dung đều bỏ khuyết chánh giáo.

Ất Tỵ: Kim: Niên hiệu Thiên Hội thứ ba. Nước Liêu, niên hiệu Bảo Đại thứ năm. Diên Hy chạy đến Giáp sơn, đại thần lập em ông là Thuần lên nắm giữ Yên kinh. Sau đó Thuần chết lại lập vợ của Thuần là Tiêu Thị lên nắm quyền chánh, đổi niên hiệu là Đức Hưng. Diên Hy nghe Thuần chết liền hạ chiếu tước bỏ quan tước của Thuần, đuổi Tiêu Thị về làm dân thường. Ban đầu Hy chạy đến Giáp sơn, sau vượt Dương Lãnh về Nam bị quân Kim bắt sống, được phong là Hải Tân vương. Được mấy năm rồi Hy chết ở Trường Bạch sơn. Nước Kim tiêu diệt nước Liêu. Nhà Liêu từ A Bảo Cơ đến Lương Trinh Minh năm thứ hai thì đổi niên hiệu là Thần Sách, đến Diên Hy năm Bảo Đại, Ất Tỵ này thì hết, tất cả chín người chủ trị vì hai trăm mười năm.

47. Vua xuống chiếu mời Pháp sư Vĩnh Đạo về kinh phục chế lại Tăng phục:

Tháng sáu sư phụng chỉ trụ trì Sùng Hóa thiền tự ở Chiêu Khánh. Tháng bảy vua ngự phê cho sư trụ trì viện Thích-ca ở chùa Hiển Thánh, Hữu nhai; ban cho sư hiệu là Bảo Giác Đại sư nhưng vẫn đi trụ trì. Sư họ Mao, húy là Vĩnh Đạo người Trầm Khâu, Đông Dĩnh. Từ nhỏ sư đã chán ngán cảnh đời theo Đại sư Giới Chân ở Nam La Hán viện, chùa Thừa Thiên học pháp xuất thế. Sau khi thọ Cụ túc sư đến kinh đô theo học Duy thức, Bách pháp và thấu tỏ luận này. Chánh Hòa năm thứ ba, Sư được tuyển vào trụ trì viện Hương Tích ở Hữu Nhai và được vua ban Tử y. Năm thứ năm, vua ban sư hiệu Bảo Giác Đại sư. Tuyên hòa năm đầu, vua đổi danh hiệu Phật, Sư cùng Luật sư Ngô Minh, Tuệ Nhật ở Hoa Nghiêm khóc mà nói:

- Phật pháp đến nước này, may mắn được sống cũng chẳng khác gì chết.

Sư nhiều lần đến quan phủ dâng biểu trạng nói:

“Từ năm Vĩnh bình đời Hán, Phật pháp đã du nhập vào Trung Quốc, chỉ có thời Nguyên Ngụy, Vũ Văn, Chu Đường Hội Xương từng phế bỏ Phật giáo. Đất nước ta học theo Nghiêu noi theo Thuấn, Tam Vũ Đường chủ đầu đủ để học theo. Cho rằng Phật không phải là người Trung Quốc, muốn pháp Phật không tồn tại trong nước, đuổi Tăng sĩ về quê để làm nông, làm học trò. Tên gọi đức sĩ ấy dù có chết cũng không dám tuân theo lệnh vua”.

Sáng hôm sau, Sư đến quỳ trước Tuyên Đức môn dâng tấu sớ rằng:

“Thần Vĩnh Đạo may mắn được sinh nơi Thần khảo ngâm phong, gặp phải lúc Bệ hạ ngự thế, Tam giáo thịnh vượng, muôn phương vô sự. Thần do bỏ nghiệp sĩ nông, cắt tóc đắp y giảng truyền kinh Phật, trợ giúp thời thánh, giáo hóa vô vi. Trộm nghĩ Thánh nhân của Tam giáo đều là dạy người để làm lành, chỉ vì học trò họ hiểu sai làm bậy đến nỗi khiến cho nhân chủ đương thời bị mê hoặc. Bởi từ Tam Hoàng Ngũ đế đến nay, cái thuần phác bị phát tán, đại đạo bị chôn vùi. Ở thời nhà Chu, Sử Nãi soạn sách đến năm ngàn lời, phát minh đạo đức, sẽ khiến cho dân nuôi người mạnh dưỡng kẻ yếu, từ kiệm vô vi, trở về cái thuần phác. Đạo nhà Chu suy vi, thế tục càng lắm kẻ giả nhân giả nghĩa nhưng dân chẳng ai theo.

Trọng Ni ra đời càng đề xướng đạo nhân nghĩa, sửa thi thư, định lại lễ nhạc để cứu cái tệ cho đời. Không may tiếp theo sau là thời chiến quốc, Xử Sĩ nói càn, cho nhân nghĩa là thứ gàn rồ, họ nhìn đạo đức như thế nào? Nhà Hán dựng nghiệp nhưng vẫn là bá đạo tạp nạp. Người giỏi như Hiếu Văn bàn Lễ nhạc thì khiêm nhường chưa mạnh dạn. Hiếu Vũ giỏi về binh, rành về võ nhưng trong nước khốn to, ngay lúc đó nếu không có giáo pháp của Phật giáo ta du nhập kịp thời thì e rằng đạo đức nhân nghĩa đã tiêu tan hết.

Sách của nhà Phật bao quát tinh thô, gồm thâm tất cả, huyền diệu sâu xa, thật khó mà lường, lại nói rõ về thiện ác báo ứng thông cả ba đời. Thân diệt nhưng thần không diệt, tích thiện hay tích ác đều tùy theo đó mà nhận chịu quả báo. Không đợi ban thưởng nhưng dân tự khuyên nhau, không đợi hình phạt nhưng dân tự hối cải, nó ngầm trợ giúp phép vua, có công với dân, lẽ đâu đó là ích lợi nhỏ?

Từ nhà Hán đến nay chỉ có Nguyên Ngụy Vũ Văn, Chu Đường Hội Xương từng hạ lệnh phế bỏ Phật giáo, còn lại hầu hết đế vương đều kính phụng. Như Nghệ Tổ Hoàng đế ta khi mới nhận ngôi từ nhà Chu

việc đầu tiên là chấn hưng Phật giáo. Nhiều lần cử tăng sang Tây Vực tìm cầu Phật pháp. Thái Tông Hoàng đế, lập ra dịch trường, sửa nơi cất kinh, soạn văn trong bí tàng, thuật bài tựa trong Thánh giáo. Chân Tông Hoàng đế soạn Pháp Âm tập, Sùng Thích Thị Luận. Nhân Tông Hoàng đế cung kính xem kinh tạng, miệt mài học Phạm ngữ, ngày ngày cùng xướng ngâm hỏi đáp tâm pháp với Đại sư Hoài Liên, giữ gìn lễ nghi của Anh Tổ Thần Khảo. Triết Tông Hoàng đế ngày ngày tại Chử cung thần khảo chẳng biết mệt, lúc nào cũng đọc tụng kinh Phật, cầu cho thánh nghiệp trường tồn khiến cho Phật đạo ta không mảy may ra khỏi chánh đạo, như vậy lẽ đâu không đủ để cho lịch đại Đế vương sùng phụng theo ư? Tuy gặp phải ba lần phế Phật của đời trước nhưng được khôi phục lại rất mau chóng. Những kẻ phế bỏ Phật giáo đều bị chuốc họa không kịp trở tay. Ai bàn mưu để rồi Bệ hạ không ngần ngại hạ lệnh phế bỏ Phật giáo như vậy? Thần thật lấy làm lo cho Bệ hạ. Phàm từ nhà Hán về sau, lịch đại Đế vương ấy chắc chắn không đủ nói với Bệ hạ. Thế nhưng Liệt thánh của bản triều ta lẽ đâu không đủ để Bệ hạ noi theo sao? Bệ hạ nếu muốn Đạo sĩ thịnh lên thì nên nghiêm khắc ra lệnh cho Kỳ sĩ ở quận huyện cùng Bệ hạ lật biểu tấu này mà xem thì không đầy mười ngày sau Đạo sĩ sẽ tự thịnh lên. Bệ hạ bỏ cách này không làm lại đi bức bách đồ chúng của Phật bỏ sở học của Phật nghe theo bọn Đạo sĩ. Truyện viết: Người dùng sức phục vụ người khác, chẳng phải trong lòng họ vui nhưng chân thành phục vụ. Bệ hạ đem những tặng nhân mà trong lòng họ không vui không chân thành kính phục này đẩy họ vào trong đám Đạo sĩ. Thần ngu muội cho rằng cái họa của Đạo sĩ khởi nguyên từ đây, chứ chưa thấy họ thịnh lên. Thần lạm học Phật pháp, ăn lúa gạo nhà Tống, không thể ung dung im lặng mãi, can gián mà bị bắt tội thần cũng cam lòng”.

Tấu sớ dâng lên, vua nổi giận bắt sứ giao cho cai ngục phủ Khai Phong, bắt phải thịch vào mặt và đày sứ đi Thung Lăng. Bọn lính giải sứ đi nói:

- Đây đến đó cách xa vạn dặm, là nơi rừng thiêng nước độc, đạo nhân lại ăn chay không ăn quá ngọt, kể ra cũng thật khó, tốt nhất là cho ông ta ăn mặn đi.

Sứ khảng khái nói:

- Ta thà chết đói, chứ không bao giờ phạm giới cấm của Phật.

Đêm ấy, Thái thú Thung Lăng mộng thấy một Đức Phật bị thịch vào mặt, lại đeo gông đứng dưới thêm. Sáng ra, ông đem việc này kể cho quan lại đồng liêu, thì mọi người đều nói hôm qua mình cũng mộng

thấy như vậy. Lát sau thì sứ đến. Dung mạo chỉ hơi khác đôi chút, cả phủ đều thất kinh. Họ bàn nhau không để sứ làm khổ sai, Sứ từ chối vì cho rằng đó là lệnh của vua. Thái thú càng kính phục và miễn hết công việc cho Sứ.

Sứ lưu vong trong nhiều Châu, gặp lúc nhân dân bị bệnh dịch, Sứ đào ao lấy nước chú nguyện, hễ ai uống vào bệnh khỏi ngay, từ đó quan lại để sứ tự do đi lại.

Vua có chiếu mời sứ về Lâm An khuyên sứ làm tăng trở lại. Sứ cố sức từ chối. Vua biết không thể dùng uy khuất phục được sứ, liền ôn tồn nói:

- Tiên đế bị mê hoặc bởi những lời yêu dị, hủy nhục hình骸 khanh, nay trẫm muốn xóa vết tích trên mặt khanh được chăng?

Sứ đáp:

- Mực của Tiên hoàng rất quý không nỡ xóa đi.

Vua cười vang, vỗ lưng sứ nói:

- Khanh quả là cứng đầu cứng cổ!

Vua ban cho sứ tên là Pháp Đạo, thụ hiệu là Bảo Giác Viên Thông Pháp Tế Đại sư. Thỉnh sứ trụ trì chùa Đại Trung Tường Phù. Mỗi lần nước có họa yêu nghiệt, vua đều thỉnh sứ chú nguyện, mọi việc đều ứng nghiệm.

Năm Thiệu Hưng thứ hai, thể theo lời thỉnh cầu của Thái thú Giang châu, vua thỉnh sứ trụ trì Đông Lâm ở Lô sơn. Năm sau, do bọn Đạo sĩ quen thói lại đứng trước Tăng chúng, Sứ đến quan sở tại dâng sớ tâu rằng:

“Theo Sùng Ninh Đại quán hỏi Đạo sĩ Vương Tư Tức, Lâm Linh Tố v.v... rõ ràng lạm nhận phẩm vật, náo loạn triều cương, từ đó đạo sĩ ganh ghét chúng Tăng. Trộm nghĩ từ Tĩnh Khang đến nay, đạo sĩ quan lại đã đi thì đuổi luôn, nay thần xin theo phép chế cũ của tổ tông, xin Bệ hạ cho đặc ân cải chánh”.

Lễ bộ bàn bạc lại việc trước kia và chỉ ân xá cho đạo sĩ ở Tuyên Đức môn, đạo sĩ còn lại đều làm Tăng sĩ. Lời tấu của sứ được lấy làm mệnh lệnh.

Trước khi có loạn Tĩnh Khang, Sứ cùng Luật sư Ngô Minh thệ nguyện:

“Sẽ tạo ba ngàn hóa Phật để cầu phước cho quốc gia”.

Lúc còn ở Tường Phù, hai người mới bàn dựng một nơi chứa kinh nhưng quân Kim lại vây hãm Lâm An, Ngô Minh lên thuyền ra biển, Sứ cũng nổi gót theo sau. Đến bây giờ mới về lại Đông Lâm, khuyên tín thí

hoàn thành sở nguyện của mình.

Ngày hai mươi mốt tháng bảy năm Thiệu Hưng thứ mười bảy, Sư thị tịch tại Thiên Phật Các Tân tự. Hôm ấy trong đạo tràng có đến hơn một trăm Pháp sư nhân ngày Tự tứ đến yết kiến sư. Sư vẫn thăm hỏi như thường, rồi bỗng nói:

- Sự an nguy của pháp môn đều nhờ cậy các ông, ta phải đi đây!

Sư cầm bút viết kệ, rồi chấp tay thị tịch. Đồ chúng trà-tỳ, thâu lấy xá-lợi vô số. Đệ tử Bảo Hộ dựng tháp sư ở đầu nguồn nơi có chín dặm tùng. Sư thọ sáu mươi hai tuổi, tăng lạp bốn mươi bốn hạ. Ngụy quốc công Trương Tuấn soạn bài minh trên tháp.

Thiền sư Bắc Gian Cư Giản ở Tịnh Từ đến phúng điệu trước tháp. Bài điếu văn ghi:

“Người mà Mạnh Tử gọi là Đại trượng phu là người giàu sang nhưng không làm họ phóng túng, nghèo hèn không làm họ thay đổi, quyền uy không làm họ khuất phục. Ngài gửi mạng cho trùng kiến, gửi thân cho gió sương, chẳng phụng chiếu vua để đổi hiệu Đức sĩ, quyền uy có thể khuất phục ngài được chăng? Bị thích trên mặt rồi dày đi, làm tội đồ ở các châu, tại bến Cửu tử không ăn quá ngọt, ngâm nga giáo hóa, như vàng ra khỏi đá, nghèo hèn có thể làm ngài thay đổi chăng? Xóa tên gạch họ lại được như xưa, phong quan chia lộc đều ở lòng vua, vua nói:

- Thật đáng khâm phục! Ta xóa vết thích chữ trên mặt khanh. Ngài nghĩ đến Tiên đế nên không nỡ xóa đi. Vua nói:- Ông thật là cứng đầu cứng cổ.

Giàu sang có thể làm ngài phóng túng chăng? Lâm Linh Tố mượn y phục của Đạo sĩ gây họa tày trời, thay Tăng y thành y phục Hoàng lão, thiên hạ đều làm theo nếu không thì cũng lén trốn đi, chết khô nơi rừng sâu. Ngài thì noi theo lòng trung của Tỷ Can, may ra cũng còn có chỗ dựa trong muôn một, như bưng vật nặng đi trên bờ đê sóng cả ở Long môn. Thánh ân khoan hồng, không xử chết ngay, người người nổi lên chống đối, ta biết chỉ có ngài không chống cự. Nếu lòng nhân chưa thuần thực thì làm sao làm được những việc như vậy. Mong ngày sau, ngài tái sinh nguyện thấy được sự thành tựu của ngài. Kỳ vĩ siêu tuyệt, quả là việc của bậc đại trượng phu”.

Cư Giản lạy hai lạy, đi nhiều rồi đọc văn điếu:

Vết thích hết chăng?

Thân vẫn như đỉnh hê

Xóa đi thì chết

Vết thích xóa chằng
 Ân như gió xuân hề
 Không nỡ xóa đi
 Nhãn đi một niệm
 Lâm cảnh bụi mờ
 Lìa xa cung khuyết
 Sinh linh lâm than
 Tăng sĩ hiếm hoi
 Lại đâu đủ xa mờ sao?
 Đạo châu một bóng
 Hỏi bờ cười ngất tỉnh ra
 Trời trong đất lặng
 Người người khuất phục
 Chỉ mình ngài tin
 Ân như nước mạnh
 Hiện tợ thành cao
 Sâu một Linh Tố
 Bẻ cong kỷ cương
 Dù phân trăm mảnh
 Nỗi đau chưa nguôi
 Cứu Lý trong mát
 Thoát xác là nhà
 Cỏ khô vào xuân
 Bình bình tươi tỉnh
 Hậu thế nào hay
 Trong cõi Ta-bà
 Vết trên trán hề
 Nghi dung chói lợi
 Thông dong mà đứng dậy hề
 Khác nào phong cách Bá Di.

Bính Ngọ: Khâm Tông tên là Hoàn lên ngôi. Tháng giêng, Cán Ly Bất đánh vào kinh cướp vàng lụa rồi rút quân. Tháng mười hai Bất lại vây kinh thành hơn một tháng. Tháng tư năm sau, vua cùng Thượng hoàng, lục cung hoàng tộc dời về phương Bắc, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Tĩnh Khang.

Phàm từ xưa, việc trong thế gian không gì lớn hơn sống chết. Nếu muốn thoát khỏi đều nhờ tu Lục độ vạn hạnh. Người mở rộng Lục độ vạn hạnh chỉ có Phật và Tổ. Những điều cốt lõi của Phật, Tổ đã được

các bậc tiên hiền gom tập thành sách lấy tên là Thông tải. Người mến mộ theo đó mà làm, được vậy thì ngay trong sinh tử mới mong thông dong tự tại, như thế lẽ đâu không tin sao!

Thánh triều Trấn Sóc Tướng quân Tổng binh Quan Vinh Lộc Đại Phu Đạn Đình Công Nguyệt Đình Trấn Giang Chu là người thể nhập sâu trong đạo Phật, Tổ ta; tin khó thoát sinh tử, nên ngoài việc chu cấp hàng ngày ông đều gây tạo thiện duyên. Ông từng dựng chùa Vĩnh Ninh ở Bảo Định, chùa Di-đà ở Tuyên Phủ cực kỳ trang nghiêm, đồng thời cúng dường tứ sự, đúc tượng, cúng dường hoa hương cùng vô số phẩm vật thượng diệu khác. Chi phí lên đến mấy ngàn vạn tiền. Ông lại in mười tạng Đại tạng kinh phân phát đến các chùa nhằm cúng dường, lưu hành, kết duyên với tăng chúng. Tôi ẩn cư tại Bạch Liên, Hưng Biện sơn thuộc đất Ngô, lúc tôi đến đạo tràng Vĩnh Ninh và gặp ông ở Tuyên Phủ.

Thiện nam tín nữ ở kinh đô trùng khắc bộ Thông Tải nhưng không đủ kinh phí, tôi đến ngõ lời và ông hoan hỷ cúng dường kinh phí hoàn tất bộ sách này. Tôi xem nghĩa Thiện nam tín nữ ở kinh đô trùng khắc bộ Thông tải nhưng không đủ kinh phí, tôi đến ngõ lời và ông hoan hỷ cúng dường kinh phí hoàn tất bộ sách này. Tôi xem nghĩa khí cao cả của ông, có thể gọi ông là người không quên những lời phó chúc của Phật làm rạng rỡ đạo pháp ta. Vì vậy tôi ghi lại mấy lời để người đời sau biết vậy.

(Tháng sáu năm Canh Tuất niên hiệu Tuyên Đức thứ năm, Vĩnh Ninh trụ sơn, Thích Đại Hải ghi.)